Mẫu sản phẩm
(Kèm theo của Phụ lục 3)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHV ngày .../.../2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

Mã số ngành đào tạo: 7140202

Nghệ An, 2021

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT **4**
DANH SÁCH BẢNG **5**
DANH SÁCH HÌNH **5**
PHẦN 1. MỞ ĐẦU **6**
Trường Đại học Vinh **6**
1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển 6
1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục 6
SÁNG TẠO **7**
1.2. Trường Sư phạm **9**
1.3. Khoa Giáo dục tiểu học **10**
1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ 10
1.1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát 11
Quá trình phát triển **11**
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO **12**
2.1. Thông tin chung 12
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo 13
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 13
2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp 16
1.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp **16**
1.5.1. Tuyển sinh 16
1.5.2. Điều kiện tốt nghiệp 16
1.6. Phương pháp giảng dạy và học tập **17**
1.6.1. Thuyết trình 17
1.6.2. Vấn đáp 17
1.6.3. Tự học 18
1.6.4. Thảo luận 18
1.6.5. Thực hành 18
1.6.6. Hoạt động nhóm 18
1.6.7. Nghiên cứu tình huống 18
1.6.8. Học dựa trên dự án 19
1.7. Các hình thức đánh giá **19**
2.7.1. Đánh giá ý thức và thái độ học tập 20
2.7.2. Đánh giá hồ sơ học phần 20
2.7.3. Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm 20
2.7.4. Đánh giá theo hình thức tự luận 20
2.7.5. Đánh giá theo hình thức thực hành 20
2.7.6. Đánh giá viết báo cáo 20
2.7.7. Đánh giá thuyết trình 20

2.8. Đánh giá kết quả học tập **21**
2.8.1. Thang điểm đánh giá 21
2.8.2. Điểm đánh giá học phần 21
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học **23**
3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT 23
3.4. Kế hoạch giảng dạy 25
3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học 28
3.6. Sơ đồ ma trận kỹ năng 28
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN **31**
PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH **73**
5.1. Đối với khoa Giáo dục tiểu học **73**
5.2. Đối với giảng viên **74**
5.3. Kiểm tra, đánh giá **74**
5.4. Đối với sinh viên **74**
PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS) **75**
PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN **80**
PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP **84**
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CĐR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN **86**

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
PO	Mục tiêu chương trình đào tạo
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
CO	Mục tiêu học phần
CLO	Chuẩn đầu ra học phần
LLO	Chuẩn đầu ra bài học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT 14
Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập.....
Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT .....
Bảng 3.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH tới CĐR của CTĐT.....
Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT 23
Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH..... 25
Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần..... 86

DANH SÁCH HÌNH

Hình 3.1. Ma trận kỹ năng ..... **Error! Bookmark not defined.**

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

Trường Đại học Vinh

1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam. Ngày 28/08/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu sự ra đời của Trường Đại học Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định Trường Đại học Vinh đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng chính phủ ban hành Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Trường Đại học Vinh là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng sư phạm; là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục năm 2017.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009 và năm 2014), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017), Huân chương Lao động hạng Ba của Nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào (2019), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1992, năm 2019), và nhiều phần thưởng cao quý khác

1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

- **Sứ mạng**: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung bộ; là trung tâm nghiên cứu đổi mới, sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế. (*Quyết nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường ngày 01/12/2021)*

- **Tầm nhìn**: Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng tốp 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, xếp hạng tốp 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045. (*Quyết nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường ngày 01/12/2021)*

- **Mục tiêu tổng quát**: Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công.

- **Giá trị cốt lõi**: Trung thực (honesty), trách nhiệm (accountability), say mê (passion), sáng tạo (creativity), hợp tác (collabration).

- **Triết lý giáo dục**: HỢP TÁC (collabration), SÁNG TẠO (creativity) - với ý nghĩa được thể hiện như sau:

HỢP TÁC	1) Trường Đại học Vinh xác định HỢP TÁC trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. HỢP TÁC là sự tôn trọng khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. HỢP TÁC là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan. 2) Trường Đại học Vinh tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác.

SÁNG TẠO	1) Trường Đại học Vinh xem SÁNG TẠO là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. SÁNG TẠO là tạo ra những tri thức và giá trị mới. SÁNG TẠO là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá, và không ngừng cải tiến. 2) Trường Đại học Vinh đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình "*Hình thành ý tưởng – Thiết kế – Triển khai – Vận hành*" trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.

Hình 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh

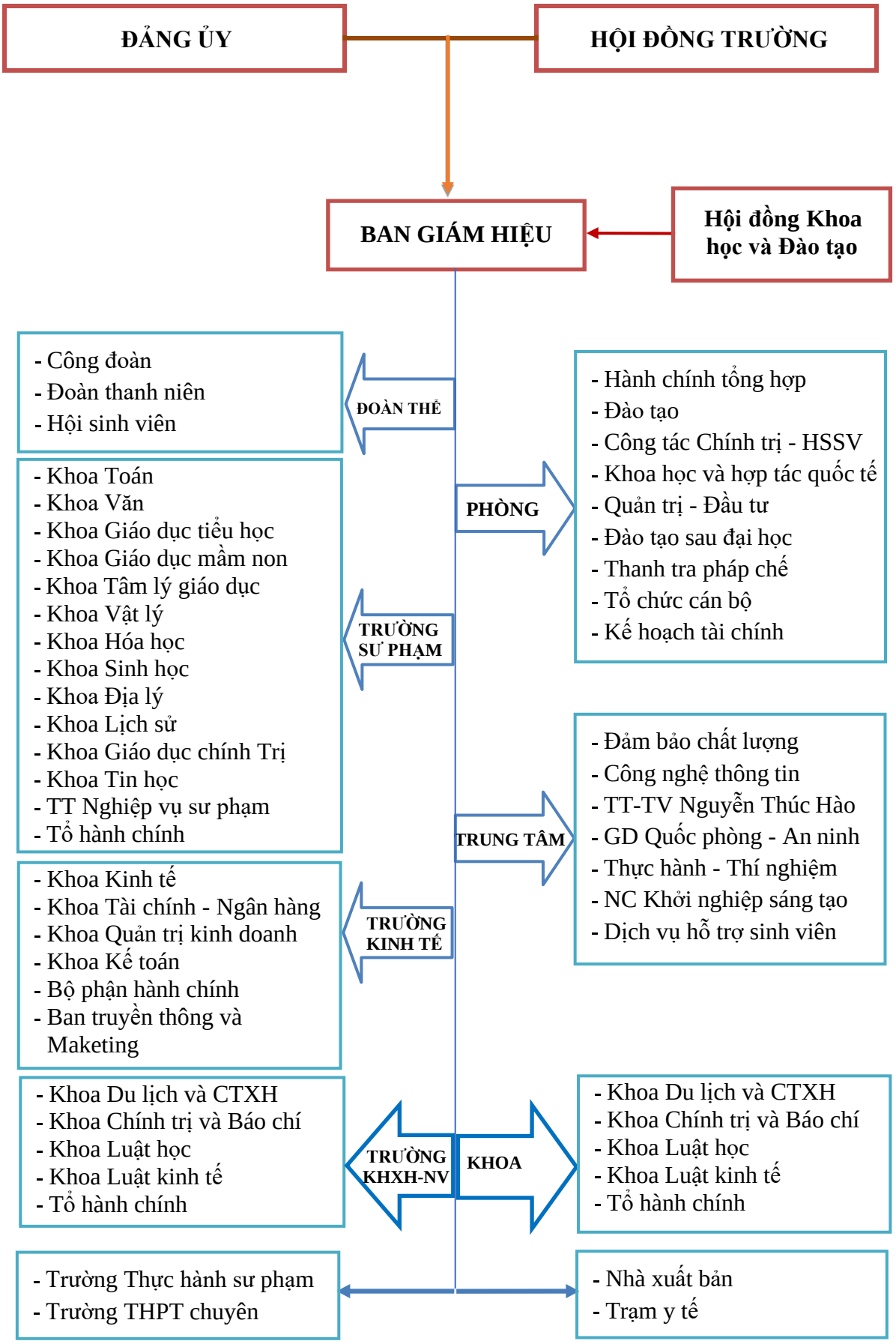

Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

- **Cơ cấu tổ chức**: Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh được mô tả như Hình 1.1. Hiện nay, Trường đào tạo 63 ngành trình độ đại học, 38 chuyên ngành trình độ thạc sĩ và 17 chuyên ngành trình độ tiến sĩ với trên 35.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Trường có 01 Trường THPT Chuyên, là một trong 20 trường trung học phổ thông có uy tín nhất trong cả nước, và 01 Trường Thực hành Sư phạm đào tạo các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh.

- **Đội ngũ cán bộ**: Trường Đại hoc Vinh hiện có 1.036 cán bộ, viên chức (trong đó có 723 cán bộ giảng dạy), 49 giảng viên cao cấp, 4 giáo sư, 45 phó giáo sư, 300 tiến sĩ, 495 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ của Trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước. Cùng với hoạt động đào tạo, đội ngũ giảng viên luôn chú trọng các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trong 5 năm gần đây, đội ngũ cán bộ đã triển khai hàng trăm đề tài khoa học các cấp, trong năm 2020 đội ngũ cán bộ của Trường đã công bố trên 150 bài báo thuộc danh mục Web of Science và Scopus. Trường Đại học Vinh luôn nằm trong tốp 10 trường đại học có bài công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam.

1.2. Trường Sư phạm

1.2.1. Mục tiêu: Mục tiêu giáo dục của Trường Sư phạm Vinh là đào tạo, bồi dưỡng nguồn giáo viên và cán bộ khoa học có chất lượng cao; thực hiện các nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học giáo dục phục vụ sự nghiệp đổi mới giáo dục - đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn giáo dục đặt ra; tự thích ứng để học tập suốt đời; có năng lực ngoại ngữ, tin học đủ đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế.

1.2.2. Vị trí, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn

a. Vị trí:

Trường Sư phạm là đơn vị thuộc Trường Đại học Vinh, chịu sự lãnh đạo, quản lý, điều hành của Đảng ủy, Hội đồng trường và Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

b. Chức năng:

- Đào tạo trình độ đại học và trên đại học các ngành đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cho các bậc học và nhân lực chuyên môn nghiệp vụ khác cho ngành giáo dục.

- Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và quản lý giáo dục cho giáo viên và cán bộ ngành giáo dục.

- Nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng liên quan.

- Tổ chức và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng lĩnh vực giáo dục, văn hóa, môi trường và các hoạt động xã hội khác vì lợi ích cộng đồng.

c. Nhiệm vụ và quyền hạn:

Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Sư phạm do Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành.

1.2.3. Cơ cấu tổ chức

Trường Sư phạm được tổ chức thành 02 cấp:

- Cấp 1: Trường Sư phạm
- Cấp 2: Các khoa đào tạo, trung tâm, tổ bộ môn

Cơ cấu tổ chức của Trường gồm:

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng
- Hội đồng khoa học và đào tạo
- Các khoa đào tạo
- Trung tâm Nghiệp vụ sư phạm
- Tổ Hành chính - Văn phòng

Trường có tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội *(Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên)* được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Đảng và điều lệ của các tổ chức.

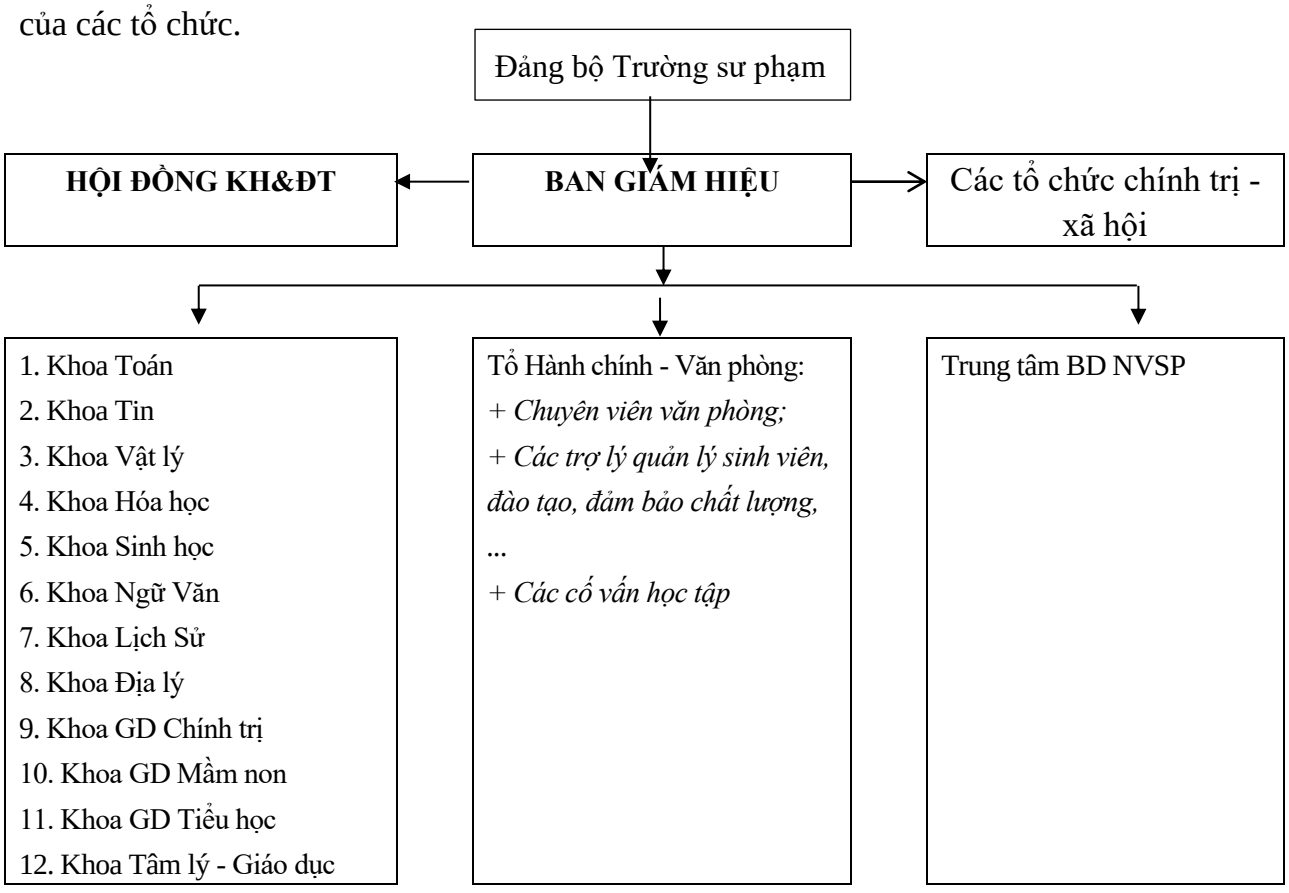

1.3. Khoa Giáo dục tiểu học

1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

- Cơ cấu tổ chức:

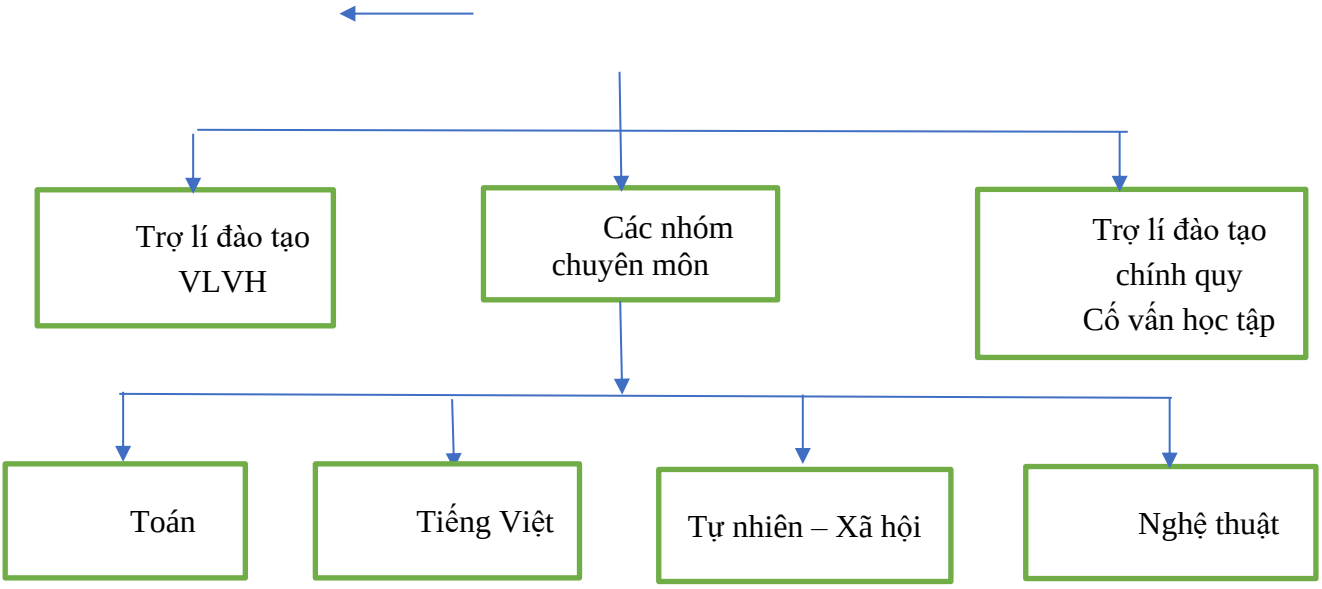

- **Đội ngũ cán bộ**: Tổng số cán bộ của khoa hiện nay là 10, trong đó có 9 giảng viên, 01 giáo viên. Toàn khoa có 01 Phó giáo sư; 06 Tiến sĩ; 04 thạc sĩ.

1.1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát

- **Sứ mạng:** Khoa Giáo dục tiểu học là địa chỉ giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, là đơn vị đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ngành Giáo dục tiểu học; nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng và chuyển giáo công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học.
- **Tầm nhìn đến năm 2030**: Khoa Giáo dục tiểu học khẳng định vị thế của mình trong hệ thống các trường Đại học sư phạm trọng điểm trong nước và khu vực ASEAN.
- **Mục tiêu tổng quát**: Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công

Quá trình phát triển

Trước đây khoa Giáo dục gồm có 3 ngành: Giáo dục tiểu học; Giáo dục mầm non và Quản lý giáo dục

Năm 2021, trường ĐH Vinh thành lập trường Sư phạm và tách ngành Giáo dục tiểu học từ khoa Giáo dục thành một khoa độc lập trong trường Sư phạm.

Giáo dục tiểu học là một trong những ngành của trường đi đầu trong việc "Lập lại kỷ cương, nề nếp trong giảng dạy và đánh giá kết quả học tập" nhiều lần được Nhà trường khen ngợi. Ngành đã đi đầu trong đổi mới phương pháp đánh giá, hầu hết các môn học đã được trắc nghiệm hóa . Công tác coi thi, chấm thi đã được thực hiện theo đúng quy chế, đảm bảo đánh giá khách quan kết quả học tập của sinh viên. Ngành đã sớm triển khai và hoàn thiện mô hình Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho sinh viên có kết quả tốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa. Cán bộ của ngành tích cực tham gia các đợt tập huấn đổi mới chương trình, sách giáo khoa, bồi dưỡng giáo viên cho các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh.

Từ năm 2003 ngành đã có thêm mã ngành đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Giáo dục học (bậc tiểu học), nhờ đó vị thế của khoa, của ngành đã được nâng lên ngang tầm với các ngành lớn trong trường.

Về đào tạo đại học, đến nay ngành đã đào tạo được 22 khóa với 2150 sinh viên chính quy. Sinh viên sau khi ra trường đều tìm được việc làm ở nhiều tỉnh thành trong cả nước. Một số khá đông đxa trở thành cán bộ quản lý trường tiểu học, giáo viên giỏi cấp huyện/thành, cấp Tỉnh .

Khoa cũng đã đào tạo được gần 20.000 giáo viên tiểu học có trình độ đại học cho nhiều tỉnh , thành trong cả nước với hình thức Vừa làm vừa học.

Về đào tạo sau đại học, đến nay đã đào tạo được 311 thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học (bậc tiểu học). Những người học này hiện nay phần lớn là cốt cán chuyên môn hoặc cán bộ quản lý giáo dục ở nhiều địa bàn trên cả nước.

Khoa Giáo dục hiện có số lượng học viên sau đại học , học viên hệ vừa làm vừa học và sinh viên đông nhất của trường Đại học Vinh.

Về công tác bồi dưỡng, giảng viên của ngành đã tham gia bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học, cán bộ cốt cán trường tiểu học trên đại bàn các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa và nhiều tỉnh thành trong cả nước.

Về công tác nghiên cứu khoa học, Từ khi thành lập đến nay, cán bộ của ngành Giáo dục tiểu học đã nghiên cứu 05 đề tài cấp Bộ, các đề tài nghiệm thu đều được xếp loại tốt, có ý nghĩa lý luận và thực tiên cao. Đặc biệt kết quả nghiên cứu của đề tài về nội dung, quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, rèn kỹ năng dạy học các môn học cho sinh viên đa làm thay đổi cơ bản và góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả đào tạo nghề của khoa. Hàng trăm bài báo của cán bộ ngành Giáo dục tiểu học đã được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước, tạp chí Khoa học của các trường Đại học, Kỷ yếu của các hội thảo khoa học Quốc Gia và Quốc tế.

Để không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo, năm 2019 khoa đã tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học. Năm 2020, Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học được trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng đánh giá ngoài và ngành Giáo dục tiêu học đã được cấp chứng nhận Kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo, đánh dấu một bước tiến mới trong con đường phát triển bền vững của ngành.

Năm 2021, thực hiện chủ trương chung của Nhà trường, chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học tiếp tục cải tiến trên cơ sở của Chương trình đào tạo tiếp cận CDIO. Để học tốt chương trình đào tạo này, sinh viên cần thực hiện:

+ Xây dựng kế hoạch học tập phù hợp trong đó chú trọng năng lực tự học, tự nghiên cứu

+ Học qua Hệ thống E-learning kết hợp với học tập trực tiếp theo phương pháp Lớp học đảo ngược

+ Sử dụng linh hoạt hệ thống LMS…

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	Giáo dục tiểu học (Primary Education)
2.	Mã số ngành đào tạo:	7140202
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4. năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân ngành Giáo dục tiểu học
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Khoa Giáo dục tiểu học
7.	Hình thức đào tạo:	Chính quy – Tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126
9.	Thang điểm:	4
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát: Chương trình cử nhân giáo dục tiểu học đào tạo sinh viên tốt nghiệp trở thành công dân tự chủ và có trách nhiệm xã hội; là nhà giáo dục với các phẩm chất và năng lực cần thiết; có khả năng *hình thành ý tưởng –thiết kế– thực hiện* và *đánh giá* chương trình giáo dục tiểu học trong trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.	
Mục tiêu cụ thể:	
PO1.	Áp dụng các kiến thức nền tảng và lập luận ngành vào lĩnh vực Giáo dục tiểu học;
PO2.	Vận dụng các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành;
PO3:	Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và học tập suốt đời trong bối cảnh nghề nghiệp;
PO4:	Hình thành *ý tưởng, thiết kế, thực hiện* và *đánh giá* chương trình Giáo dục tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR	Mô tả Chuẩn đầu ra
PLO1.1.	***Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội và pháp luật vào các hoạt động nghề nghiệp***
PLO1.2.	***Áp dụng kiến thức nền tảng, cốt lõi về khoa học giáo dục; khoa học tự nhiên và xã hội, toán học, công nghệ vào hoạt động nghề nghiệp***
PLO1.3.	***Vận dụng thành thạo kiến thức về phương pháp, công cụ và phương tiện vào dạy học các môn học trong chương trình giáo dục tiểu học***

PLO2.1.	***Thể hiện được năng lực cá nhân và nghề nghiệp cần thiết để hoạt động hiệu quả trong môi trường giáo dục tiểu học***
PLO2.2.	***Thể hiện được trách nhiệm công dân và phẩm chất chuẩn mực của một nhà giáo***
PLO3.1.	***Thể hiện khả năng hợp tác có mục đích, có tính xây dựng trong thực tiễn nghề nghiệp***
PLO3.2.	***Thể hiện được năng lực giao tiếp phù hợp, tự tin khi tương tác với các lực lượng giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn hoặc bằng ngoại ngữ***
PLO4.1.	***Xác được mối liên hệ giữa bối cảnh xã hội và bên ngoài đối với ngành giáo dục tiểu học; bối cảnh nhà trường tiểu học và các hoạt động nghề nghiệp***
PLO4.2.	***Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp giáo dục tiểu học***

Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được mô tả trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**								
	1.1	**1.2**	**1.3**	**2.1**	**2.2**	**3.1**	**3.2**	**4.1**	**4.2**
PO1	√	√	√						
PO2				√	√				
PO3						√	√		
PO4								√	√

- **Chuẩn đầu ra chi tiết của CTĐT**

[Trình bày chuẩn đầu ra chương trình đào tạo - Cấp 3]

TT	**CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**	**Mức độ NL**
1	**NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SƯ PHẠM NGÀNH GDTH**	
CĐR 1.1.	***Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội và pháp luật vào các hoạt động nghề nghiệp***	
1.1.1.	Áp dụng được kiến thức cơ bản của triết học Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học vào các hoạt động nghề nghiệp	K3
1.1.2.	Áp dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế chính trị, lịch sử đảng cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào các hoạt động nghề nghiệp	K3
1.1.3	Áp dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, an ninh-quốc phòng vào các hoạt động nghề nghiệp	K3
CĐR 1.2.	***Áp dụng kiến thức nền tảng, cốt lõi về khoa học giáo dục; khoa học tự nhiên v xã hội, toán học, công nghệ vào hoạt động nghề nghiệp***	
1.2.1.	Áp dụng được kiến thức cốt lõi về tâm lý, giáo dục vào các hoạt động nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	K4
1.2.2.	Áp dụng được kiến thức lí luận cốt lõi về phương pháp giáo dục, dạy học và đánh giá vào các hoạt động phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	K4
1.2.3	Áp dụng được kiến thức nền tảng toán học, khoa học tự nhiên-xã hội, và công nghệ vào hoạt động phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	

CĐR 1.3.	***Vận dụng thành thạo kiến thức về phương pháp, công cụ và phương tiện vào dạy học các môn học trong chương trình giáo dục tiểu học***	
1.3.1.	Vận dụng được kiến thức toán học và các chiến lược dạy học toán để phát triển năng lực học sinh	K4
1.3.2.	Vận dụng được kiến thức ngữ văn và các chiến lược dạy học ngữ văn để phát triển phẩm chất, năng lực phẩm chất, năng lực học sinh	K4
1.3.3.	Vận dụng được kiến thức về tự nhiên – xã hội và các chiến lược dạy học tự nhiên-xã hội để phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	K4
1.3.4.	Vận dụng được kiến thức thuộc lĩnh vực nghệ thuật, công nghệ và các chiến lược dạy học tương ứng để phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	K4
2	**NHÓM 2. NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP**	
CĐR 2.1.	***Thể hiện được năng lực cá nhân và nghề nghiệp cần thiết để hoạt động hiệu quả trong môi trường giáo dục tiểu học***	
2.1.1	Thể hiện năng lực tư duy và lập luận sư phạm, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo, tư duy phản biện trong thực tiễn nghề nghiệp	S4
2.1.2	Thể hiện kĩ năng tự học, khả năng quản lí thời gian và nguồn lực vào trong thực tiễn nghề nghiệp	S4
2.1.3	Sử dụng được các công nghệ thông tin truyền thông tiên tiến (ICT) vào các hoạt động nghề nghiệp	S4
2.1.4	Thể hiện được kĩ năng dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực	S4
2.1.5	Xác định được các đặc điểm nhận thức và tâm-sinh lí của học sinh tiểu học và xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, tích cực cho hoạt động học tập của học sinh	S4
CĐR 2.2.	***Thể hiện được trách nhiệm công dân và phẩm chất chuẩn mực của một nhà giáo***	
2.2.1.	Thể hiện phẩm chất chính trị, trách nhiệm công dân và đạo đức nhà giáo	A4
2.2.2.	Thể hiện cách hành xử chuyên nghiệp, có phong cách chuẩn mực của một nhà giáo	A4
3	**NHÓM 3. NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC**	
CĐR 3.1	***Thể hiện khả năng hợp tác có mục đích, có tính xây dựng trong thực tiễn nghề nghiệp***	
3.3.1.	Tổ chức và vận hành hiệu quả các nhóm làm việc trong các hoạt động nghề nghiệp	S4
3.3.2.	Lãnh đạo và phát triển được các nhóm công việc trong các hoạt động nghề nghiệp	S4
CĐR 3.2	***Thể hiện được năng lực giao tiếp phù hợp, tự tin khi tương tác với các lực lượng giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn hoặc bằng ngoại ngữ***	
3.2.1.	Thực hiện thành thạo các hình thức giao tiếp đa phương thức trong các hoạt động nghề nghiệp	S4
3.2.2.	Thực hiện giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản (bậc 3/6) để hỗ trợ công việc chuyên môn	S4
4	**NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP**	
CĐR 4.1	***Xác được mối liên hệ giữa bối cảnh xã hội và bên ngoài đối với ngành giáo dục tiểu học; bối cảnh nhà trường tiểu học và các hoạt động nghề nghiệp***	
4.1.1.	Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục học sinh tiểu học; những quy định của xã hội đối với cấp giáo dục tiểu học; Phân tích được tác động của giáo dục tiểu học đến xã hội; xác định được bối cảnh văn hoá và lịch sử liên quan đến giáo dục tiểu học;	C5
4.1.2.	Xác định được sự khác biệt văn hoá nhà trường giữa các trường tiểu học; xác định được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường	C5
CĐR 4.2	***Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu***	

	công việc và bối cảnh nghề nghiệp giáo dục tiểu học	
4.2.1.	Hình thành được ý tưởng trong thực tiễn dạy học, giáo dục và đánh giá nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	C5
4.2.2.	Xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	C5
4.2.3.	Thiết kế được các kế hoạch và hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	C4
4.2.4.	Thực hiện được các hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá trong thực tiễn nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	C4
4.2.5.	Phát triển được các chương trình, kế hoạch và hoạt động dạy học, giáo dục trong thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục	C4

2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành GDTH có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- **Lĩnh vực dạy học**: là giáo viên tiểu học các trường công lập hoặc ngoài công lập
- **Lĩnh vực quản lý giáo dục**: học tập nâng cao trình độ để trở thành chuyên viên, nhà quản lý, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục.
- **Các lĩnh vực khác**: học tập chuyển đổi văn bằng 2, ngành 2 trong một số lĩnh vực khác theo quy định hiện hành.

1.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1.5.1. Tuyển sinh

Tuyển sinh đầu vào được đánh giá sau khi các thí sinh có kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia (được tổ chức bởi Bộ GD&ĐT) và nộp hồ sơ xét tuyển vào Trường. Dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh, số lượng thí sinh hồ sơ nộp, tổ hợp các môn xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh Trường xác định điểm chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào nhưng không thấp hơn điểm chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT. Ngành GDTH tuyển sinh theo 2 phương thức: (*i*) dựa trên 04 tổ hợp các môn xét tuyển bao gồm: C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý), A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), C20 (Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân) và D01 (Toán, Tiếng Anh, Ngữ Văn), không ít hơn 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh; (ii) xét tuyển học bạ THPT, không quá 30% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

Ngoài ra, Ngành GDTH xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng vào đại học chính quy được công bố trong Đề án tuyển sinh của của Trường đại học Vinh.

1.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp: (*i*) cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập; (*ii*) hoàn thành 126 các tín chỉ của CTĐT; (*iii*) điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; (*iv*) có chứng chỉ Ngoại ngữ B1, tương đương trình độ bậc 3/6 theo tham chiếu Châu Âu; (*v*) có chứng chỉ Giáo dục-Quốc phòng; (*vi*) hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường. Đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn phải có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp.

Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Căn cứ đề nghị của Hội

đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

1.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Hoạt động dạy và học là yếu tố cốt lõi để đạt được các CĐR học phần, từ đó đạt đượccác CĐR của CTĐT. Các phương pháp giảng dạy được sử dụng để đạt được các CĐR của CTĐT được mô tả trong Bảng 1.2.

Hoạt động giảng dạy và học tập	**CĐR**								
	1.1	**1.2**	**1.3**	**2.1**	**2.2**	**3.1**	**3.2**	**4.1**	**4.2**
Thuyết trình	√	√	√						
Vấn đáp	√	√	√						
Hướng dẫn	√	√	√						
Tự học	√	√	√	√	√		√		
Thảo luận	√	√	√						
Thực hành					√			√	√
Hoạt động nhóm			√	√		√	√		
Nghiên cứu tình huống			√		√			√	
Học dựa trên dự án			√	√	√	√	√	√	√

Bảng 1.2. *Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập*

Đối với các học phần giáo dục đại cương (chính trị, kinh tế, xã hội, toán, khoa học tự nhiên, tiếng Anh), các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn, tự học, thảo luận. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và đồ án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, hoạt động nhóm, nghiên cứu các tình huống thực tiễn và học dựa trên dự án. Những hoạt động này nằm nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá các hoạt động dạy học và giáo dục của CT GDTH để đáp ứng các yêu cầu của người dùng.

1.6.1. Thuyết trình

Thuyết trình là phương pháp dạy học bằng lời nói của người dạy để trình bày kiến thứcmới hoặc tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống. Dạy học theo phương pháp thuyết trình cho phép người dạy truyền đạt những nội dung lý thuyết tương đối khó, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà người học khó tự tìm hiểu được mộtcách sâu sắc; giúp người học hiểu được hình mẫu về cách tư duy logic, cách đặt và giải quyếtvấn đề khoa học, cách sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt những vấn đề khoa học một cách chínhxác, rõ ràng, súc tích thông qua cách trình bày của người dạy; tạo điều kiện phát triển nănglực chú ý và kích thích tính tích cực tư duy của người học, vì có như vậy người học mới hiểuđược lời giảng của người dạy và mới ghi nhớ được bài học. Ngoài ra, thuyết trình cho phépngười dạy truyền đạt một khối lượng tri thức khá lớn cho nhiều người học trong cùng một lúc.

1.6.2. Vấn đáp

Vấn đáp là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng hệ thống câu hỏi

để dẫndắt người học giải quyết nhiệm vụ học tập. Dạy học theo phương pháp vấn đáp nhằm giúp người học củng cố, mở rộng, tổng kết và hệ thống hoá những tri thức đã tiếp thu được; kíchthích tư duy độc lập của người học, giúp người học hiểu nội dung học tập; lôi cuốn người

học vào quá trình học tập, tạo không khí học tập sôi nổi trong lớp học; hình thành và phát triển kỹ năng nói, diễn đạt ý tưởng của người học.

1.6.3. Tự học

Tự học là hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở bậc đại học, đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành ngoài giờ học ở lớp, theo hoặc không theo chương trình đã được qui định. Tự học giúp người học rèn luyệnkỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu và khám phá tri thức; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa tri thức; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chíphấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1.6.4. Thảo luận

Thảo luận là phương pháp dạy học trong đó giáo viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giao viên nhằm huy động trí tuệ của ngườihọc để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới cho giải quyết một vấnđề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, có thểgiúp người học rút ra được những giải pháp mới từ các ý kiến khác nhau. Ngoài ra, phươngpháp này còn khiến người học chú tâm hơn đến các đề tài đang được thảo luận; giúp cho những ý tưởng và sự thể nghiệm của người học được tôn trọng; giúp cho người học hiểu rõ được những đặc điểm của quá trình thảo luận dân chủ; giúp người học phát triển khả năng trao đổi suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích và tổng hợp.

1.6.5. Thực hành

Thực hành được thực hiện tại phòng học, ngoài không gian lớp học hoặc tại trường phổ thông và được thiết kế trong các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Thực hành được tiến hành sau các giờ học lý thuyết nhằm mục đích giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng phân tích, tổng hợp; rèn luyện đức tính kiên trì và bồi dưỡng hứng thú nghiên cứu khoa học.

1.6.6. Hoạt động nhóm

Hoạt động nhóm là một trong những phương pháp dạy nhằm phát huy tính tích cực của người học, lấy hoạt động của người học làm trung tâm. Hoạt động nhóm là cách thức trao đổi ý kiến, quan điểm giữa người học trong một nhóm với nhau và trong một khoảng thời gian nhất định một về một vấn đề học tập hay một vấn đề của cuộc sống có liên quan đến nội dung học tập. Kết quả của từng nhóm sẽ được trình bày để thảo luận chung trước khi giáo viên đi đến kết luận cuối cùng. Hoạt động nhóm nhằm tạo cơ hội tối đa cho người học bộc lộ hiểu biết quan điểm của mình về nội dung, phương pháp học tập; rèn luyện khả năng diễn đạt, cách thức tư duy và ý tưởng của cá nhân; tạo điều kiện cho người học có thểhọc hỏi lẫn nhau; đề cao tinh thần hợp tác, rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong học tập cho người học; giúp cho giáo viên nắm được thông tin ngược từ phía người học.

1.6.7. Nghiên cứu tình huống

Nghiên cứu tình huống là một phương pháp dạy học giải quyết vấn đề trong đó

các tình huống là đối tượng chính của quá trình dạy học. Trong phương pháp dạy học này giảng viên cung cấp cho sinh viên tình huống dạy học, sinh viên tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như: tăng tính thực tiễn của môn học, giảm thiểu rủi ro cho người học trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của người học. Ngoài ra, dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

1.6.8. Học dựa trên dự án

Học dựa vào trên dự án là phương pháp tổ chức dạy học thông qua các dự án hay đề tài thực tế. Người học được tạo điều kiện để thực hiện mới hoặc làm lại các đề tài hay nội dung khoa học mà nhà nghiên cứu đã tiến hành, chẳng hạn như: xây dựng lại một bản thiết kế, lập kế hoạch, phát triển các hoạt động giáo dục và dạy học,... Theo đó, người học sẽ cảm thấy rất hứng thú bởi họ được tham gia gần như "trực tiếp" vào trong quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Chính vì thế, quá trình tiếp thu kiến thức cũng diễn ra một cách tích cực. Người học không những được tiếp cận với thông tin mới mà còn được rèn luyện kỹ năng phân tích, thiết kế hệ thống, đọc hiểu, tóm tắt, và trình bày các vấn đề khoa học.

Phương pháp học dựa trên dự án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên đồ án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án. Phương pháp này có thể giúp đạt được chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO như: lập giả thiết, kỹ năng thiết kế - triển khai, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình.

1.7. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác định mức độ đạt được CĐR của các học phần và từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của CTĐT. Ngành CNTT đánh giá sinh viên trong quá trình học tập dựa trên Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 và Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Các học phần được đánh giá bao gồm đánh giá quá trình (chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập), đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc học phần. Các hình thức đánh giá được sử dụng để phù hợp với CĐR của CTĐT được mô tả như Bảng 1.3.

Bảng 1.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR của CTĐT								
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
1. Ý thức và thái độ học tập	Rubrics				√					
2. Hồ sơ học phần	Rubrics	√	√	√	√					
3. Kiểm tra bài tập	Đáp án	√	√	√		√			√	
4. Thi trắc nghiệm	Đáp án	√	√	√						
5. Thi tự luận	Đáp án	√	√	√		√		√	√	

6. Thi thực hành	Rubrics			√		√			√	√
7. Viết báo cáo	Rubrics						√	√		
8. Thuyết trình báo cáo	Rubrics						√	√		
9. Đồ án	Rubrics			√		√		√	√	√
10. Hoạt động nhóm	Rubrics				√		√			

***2.7.1.* Đánh giá ý thức và thái độ học tập**

Đánh giá ý thức học tập là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở Bảng Rubric 1 hoặc Rubric 2 tùy thuộc vào các học phần lý thuyết hay học phần có thực tập/đồ án.

***2.7.2.* Đánh giá hồ sơ học phần**

Đối với hồ sơ học phần, sinh viên bắt buộc phải làm bài tập liên quan đến các bài học học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm (được đánh giá theo các tiêu chí trong Bảng Rubric 3). Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu về các học liệu kèm theo học phần của giảng viên.

***2.7.3.* Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm**

Hình thức trắc nghiệm là dạng kiểm tra trong đó mỗi câu hỏi kèm theo câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho sinh viên một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi sinh viên phải chọn một hay nhiều giải pháp trả lời đúng nhất. Loại câu hỏi này được gọi là trắc nghiệm khách quan vì chúng đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn định và không phụ thuộc vào người chấm; đồng thời nó cho phép đánh giá được toàn bộ những khả năng của người học theo sự phân loại (ghi nhớ thông tin, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Bài trắc nghiệm thường có số câu hỏi nhiều hơn bài tự luận.

***2.7.4.* Đánh giá theo hình thức tự luận**

Sinh viên phải trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến yêu cầu kiến thức của học phần. Các yêu cầu của câu hỏi trong các đề thi được thiết kế để đánh giá kết quả học tập của học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong hình thức này là từ 1 đến 10 theo đáp án của đề thi.

***2.7.5.* Đánh giá theo hình thức thực hành**

Sinh viên phải thực hiện các nội dung thực hành liên quan đến các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của các học phần được quy định trong đề cương chi tiết của CTĐT. Thang điểm đánh giá được sử dụng từ 0 đến 10. Các tiêu chí đánh giá của của các học phần có thực hành được thể hiện trong Bảng Rubric 4.

***2.7.6.* Đánh giá viết báo cáo**

Sinh được đánh giá thông qua báo cáo về chủ đề giáo viên yêu cầu, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo. Các tiêu chí đánh giá của phương pháp này được thể hiện trong Bảng Rubric 5.

***2.7.7.* Đánh giá thuyết trình**

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các các câu trả lời. Các tiêu chí để đánh giá sinh viên

qua hoạt động thuyếttrình được mô tả trong Bảng Rubric 6.

2.8. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 và Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đạihọc Vinh.

2.8.1. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của CTĐT được quy định như Bảng 2.4.

2.8.2. Điểm đánh giá học phần

Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ như quy định trong Bảng 1.4.

Bảng 1.4. Thang điểm đánh giá học phần

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A	8.5 – 10.0	4.0
B+	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0
C+	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0
D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

Bảng 1.5. Thành phần và điểm đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Tỷ lệ
1. Đánh giá quá trình	**50%**
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
1.2. Đánh giá hồ sơ học phần - Hồ sơ có thể là bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, báo cáo kết quả thảo luận, minh chứng sản phẩm học tập, .v.v. - Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định các sản phẩm cụ thể.	20%
1.3. Đánh giá giữa kỳ - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	20%

2. Đánh giá thi kết thúc học phần - *Học phần chỉ có lý thuyết*: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kỳ và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...) - *Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án*: điểm đánh giá cuối kỳ là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. - *Học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án*: điểm đánh giá cuối kỳ là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.	**50%**

3. Công thức tính điểm học phần

3.1. Học phần chỉ có lý thuyết

Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + a_4 * 0.5.$$

Trong đó, a: điểm học phần; a_1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a_2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a_3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a_4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.

3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án

- Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

3.3. *Học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án*:

$$a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.2 + a_3 \times 0.2 + (a_4 * m + a_5 * n) * 0.5/(m + n).$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a_1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a_2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a_3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a_4: điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết; a_5: điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.

3.4. Học phần thực tập cuối khóa:

- Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a_1 \times 0.5 + a_2 \times 0.5$$

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a_1: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a_2: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Tại mỗi thời điểm phát triển CTĐT, chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế đảm bảo tương thích có định hướng với CĐR của CTĐT. CTDH năm 2020 được rà soát và cập nhật theo Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV của Trường Đại học Vinh. Bảng 3.1 mô tả cấu trúc của CTDH và mối liên hệ giữa các mô-đun với các CĐR của CTĐT. Ngoài khối lượng học tập trong CTDH, sinh viên phải hoàn thành các khóa học về Giáo dục Thể chất (5 tín chỉ), An ninh – Quốc phòng (8 tín chỉ) và được khuyến khích tham gia các câu lạc bộ và các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp sinh viên cải tiến kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp.

Bảng 2.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH tới CĐR của CTĐT

Các mô-đun		Số TC	Phần trăm	CĐR của CTĐT								
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Giáo dục đại cương	1. Chính trị, kinh tế, xã hội	11	8,7%	√			√	√				
	2. Khoa học giáo dục	10	26%		√						√	√
	3. Tiếng Anh và ICT	11	8,7%		√			√	√			
Giáo dục chuyên nghiệp	4. Cơ sở ngành	37	29,3%		√			√	√	√	√	√
	5. Chuyên ngành	49	38,9%			√		√	√	√	√	√
	6. Đồ án tốt nghiệp - TTSP	8	6,4%				√	√	√	√	√	√
Tổng		126	100%	√	√	√	√	√	√	√	√	√

3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 3.2.

Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT

TT	Mã HP	Tên học phần	CĐR của CTĐT								
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm				√	√		√		
2	PRI31001	Cơ sở tự nhiên xã hội		√			√				
3	EDU21003	Tâm lý học	√			√					
	PRI31002	Toán học 1		√	√	√					
	POL11001	Triết học Mác - Lênin	√			√	√				
	EDU20006	Giáo dục học		√		√	√			√	
	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	√			√	√				
	EDU20026	Tâm lý học giáo dục tiểu học	√		√					√	√
	ENG10001	Tiếng Anh 1		√		√			√		
	EDU20009	Văn học thiếu nhi		√	√			√			
	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	√			√	√				
	EDU30014	Giáo dục học tiểu học		√			√			√	√
	ENG10002	Tiếng Anh 2		√			√		√		
	EDU31038	Tiếng Việt		√	√			√			
		Tự chọn 1		√	√			√			
	EDU31033	Giáo dục sức khỏe									
	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	√			√	√				
	EDU30093	Toán học 2		√	√	√					
		Tự chọn 2		√	√	√					
	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục		√		√			√		√
	EDU31024	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm		√		√		√			√
	EDU30032	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức		√			√			√	√
	EDU30038	Phương pháp dạy học Tiếng Việt		√	√	√					√
	EDU30048	Phương pháp dạy học Toán		√	√	√					√
	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	√			√	√				
	EDU30046	Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc			√			√			√
	EDU30098	Phương pháp dạy học Thể dục			√	√		√		√	
	EDU30049	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã		√	√	√				√	

		hội									
	EDU20010	Đánh giá trong giáo dục		√		√				√	
		Tự chọn 3		√	√	√					√
	EDU30066	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật			√		√		√		√
	EDU31068	Phát triển chương trình giáo dục		√		√					√
	EDU30099	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ			√	√					√
	EDU31052	Quản lý cơ sở giáo dục							√	√	
	EDU32045	Tổ chức hoạt động trải nghiệm				√		√		√	
		Tự chọn 4		√		√					√
	EDU31088	Thực tập SP và Đồ án tốt nghiệp				√	√	√	√	√	√

- **Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR chi tiết của CTĐT**

(Xem **Phụ lục A**)

3.4. Kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy của CTDH được mô tả trong Bảng 3.3, trong đó các ký hiệu như sau: *(1) Loại học phần: × – bắt buộc, □ – tự chọn; (2) LT – lý thuyết, TH – thực hành, TL – thảo luận, BT – bài tập, ĐA – đồ án.*

Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần (1)	Số tín chỉ	Số tiết(2)				Mô đun	Phân kỳ
					LT	TH	TL/ BT	ĐA		
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm	×	**3**	15			30	Trường Sư phạm	1
2	PRI31001	Cơ sở tự nhiên xã hội	×	**4**	30		30		Giáo dục tiểu học	1
3	EDU21003	Tâm lý học	×	**3**	30		15		Tâm lý - Giáo dục	1
4	PRI31002	Toán học 1	×	**3**	15		30		Giáo dục tiểu học	1
5	POL11001	Triết học Mác - Lênin	×	**3**	30		15		Giáo dục chính trị	1
6	EDU20006	Giáo dục học	×	**4**	45		15		Tâm lý - Giáo dục	2
7	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	×	**2**	20		10		Giáo dục chính trị	2
8	EDU20026	Tâm lý học giáo dục tiểu học	×	**5**	15		30	30	Tâm lý - Giáo dục	2
	ENG10001	Tiếng Anh 1	×	**3**	30		15		SP Ngoại ngữ	2

	EDU20009	Văn học thiếu nhi	×	**3**	20		25		Giáo dục tiểu học	2
	NAP11001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	×	**(2)**	30				GDQP-AN	(1-3)
	NAP11002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	×	**(2)**	30				GDQP-AN	(1-3)
	NAP11003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)	×	**(2)**	15	15			GDQP-AN	(1-3)
	NAP11004	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật)	×	**(2)**	4	26			GDQP-AN	(1-3)
	SPO10001	Giáo dục thể chất	×	**(5)**	15	60			Giáo dục thể chất	(1-3)
	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	×	**2**	20		10		Giáo dục chính trị	3
	EDU30014	Giáo dục học tiểu học	×	**4**	15		15	30	Giáo dục tiểu học	3
	ENG10002	Tiếng Anh 2	×	**4**	45		15		SP Ngoại ngữ	3
	EDU31038	Tiếng Việt	×	**5**	30		45		Giáo dục tiểu học	3
		Tự chọn 1	□	**3**						3
	EDU31033	Giáo dục sức khỏe	×	**3**	30		15		Giáo dục tiểu học	4
	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	×	**2**	20		10		Giáo dục chính trị	4
	EDU30093	Toán học 2	×	**4**	30		30		Giáo dục tiểu học	4
		Tự chọn 2	□	**3**						4
	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục	×	**4**	15	15		30	Tin học	4
	EDU31024	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	×	**2**		30			Giáo dục tiểu học	5
	EDU30032	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	×	**3**	15	15	15		Giáo dục tiểu học	5
	EDU30038	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	×	**5**	30	15	30		Giáo dục tiểu học	5
	EDU30048	Phương pháp dạy học Toán	×	**5**	30	15		30	Giáo dục tiểu học	5
	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	×	**2**	20		10		Giáo dục chính trị	5
	EDU30046	Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc	×	**5**	30	30	15		Giáo dục tiểu học	6
	EDU30098	Phương pháp dạy học Thể dục	×	**2**	20	10			Giáo dục thể chất	6
	EDU30049	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội	×	**5**	30	15		30	Giáo dục tiểu học	6

	EDU20010	Đánh giá trong giáo dục	×	**2**	15		15		Tâm lý - Giáo dục	6
		Tự chọn 3	□	**2**						6
	EDU30066	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật	×	**5**	30	30	15		Giáo dục tiểu học	7
	EDU31068	Phát triển chương trình giáo dục	×	**3**	15		30		Tâm lý - Giáo dục	7
	EDU30099	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ	×	**3**	15	15	15		Giáo dục tiểu học	7
	EDU31052	Quản lý cơ sở giáo dục	×	**2**	15		15		Tâm lý - Giáo dục	7
	EDU32045	Tổ chức hoạt động trải nghiệm	×	**3**	15	15	15		Giáo dục tiểu học	7
		Tự chọn 4	□	**2**						7
	EDU31088	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	×	**8**		75	45		Giáo dục tiểu học	8
	Tổng			**126**						

Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 6 học phần)

1	EDU20014	Đại cương văn học Việt Nam	□	**3**	15		30		Giáo dục tiểu học	3
2	EDU20011	Giao tiếp sư phạm	□	**3**	15		30		Tâm lý - Giáo dục	3
3	EDU20019	Lý luận văn học	□	**3**	15		30		Giáo dục tiểu học	3
4	EDU20025	Ngữ dụng học	□	**3**	15		30		Giáo dục tiểu học	3
5	EDU31005	Từ Hán Việt	□	**3**	15		30		Giáo dục tiểu học	3
6	EDU20020	Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm	□	**3**	15		30		Giáo dục Mầm non	3

Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 6 học phần)

1	EDU31030	Cơ sở hình học và thống kê	□	**3**	15		30		Giáo dục tiểu học	4
2	EDU20015	Đại số sơ cấp	□	**3**	15		30		Giáo dục tiểu học	4
3	EDU20016	Giáo dục hòa nhập	□	**3**	15		30		Tâm lý - Giáo dục	4
4	EDU20018	Lịch sử và Địa lý địa phương	□	**3**	15		30		Giáo dục tiểu học	4
5	EDU20022	Phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến	□	**3**	15		30		Giáo dục Mầm non	4
6	EDU31031	Số học	□	**3**	15		30		Giáo dục tiểu học	4

Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 7 học phần)

1	EDU31009	Công tác chủ nhiệm lớp và sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	6
2	EDU30094	Dạy học tích hợp trong Tự nhiên - xã hội	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	6
3	EDU30100	Dạy học Tự nhiên - xã hội bằng phương pháp Bàn tay nặn bột	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	6
4	EDU30095	Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	6
5	EDU30096	Giáo dục STEM ở tiểu học	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	6
6	EDU30097	Hoạt động Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh ở trường tiểu học	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	6
7	EDU31020	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	6

Tự chọn 4 (Chọn 1 trong 7 học phần)

1	EDU30111	Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	7
2	EDU31046	Bồi dưỡng năng lực âm nhạc cho học sinh	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	7
3	EDU31007	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	7
4	EDU31066	Bồi dưỡng năng lực mỹ thuật cho học sinh	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	7
5	EDU31026	Thực hành giải bài tập Tiếng Việt	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	7
6	EDU32026	Thực hành giải bài tập Toán	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	7
7	EDU31003	Thực hành giải toán tư duy cho học sinh	☐	**2**	15		15		Giáo dục tiểu học	7

3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học

3.6. Sơ đồ ma trận kỹ năng

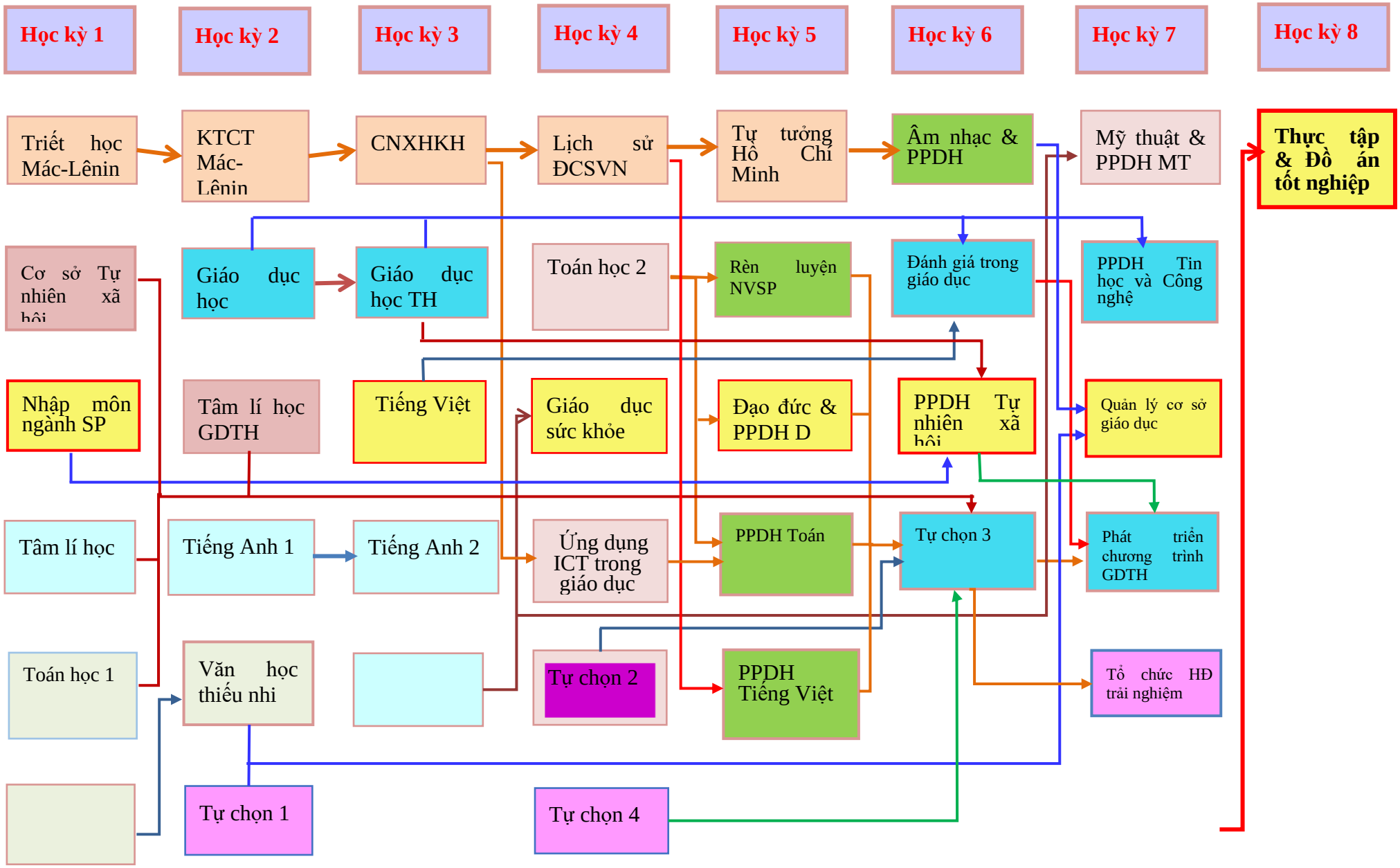
Học kỳ 1
Học kỳ 2
Học kỳ 3
Học kỳ 4
Học kỳ 5
Học kỳ 6
Học kỳ 7
Học kỳ 8
Triết học Mác-Lênin
KTCT Mác-Lênin
CNXHKH
Lịch sử ĐCSVN
Tư tưởng Hồ Chí Minh
Âm nhạc & PPDH
Mỹ thuật & PPDH MT
Thực tập & Đồ án tốt nghiệp
Cơ sở Tự nhiên xã hội
Giáo dục học
Giáo dục học TH
Toán học 2
Rèn luyện NVSP
Đánh giá trong giáo dục
PPDH Tin học và Công nghệ
Nhập môn ngành SP
Tâm lí học GDTH
Tiếng Việt
Giáo dục sức khỏe
Đạo đức & PPDH D
PPDH Tự nhiên xã hội
Quản lý cơ sở giáo dục
Tâm lí học
Tiếng Anh 1
Tiếng Anh 2
Ứng dụng ICT trong giáo dục
PPDH Toán
Tự chọn 3
Phát triển chương trình GDTH
Toán học 1
Văn học thiếu nhi
Tự chọn 2
PPDH Tiếng Việt
Tổ chức HĐ trải nghiệm
Tự chọn 1
Tự chọn 4

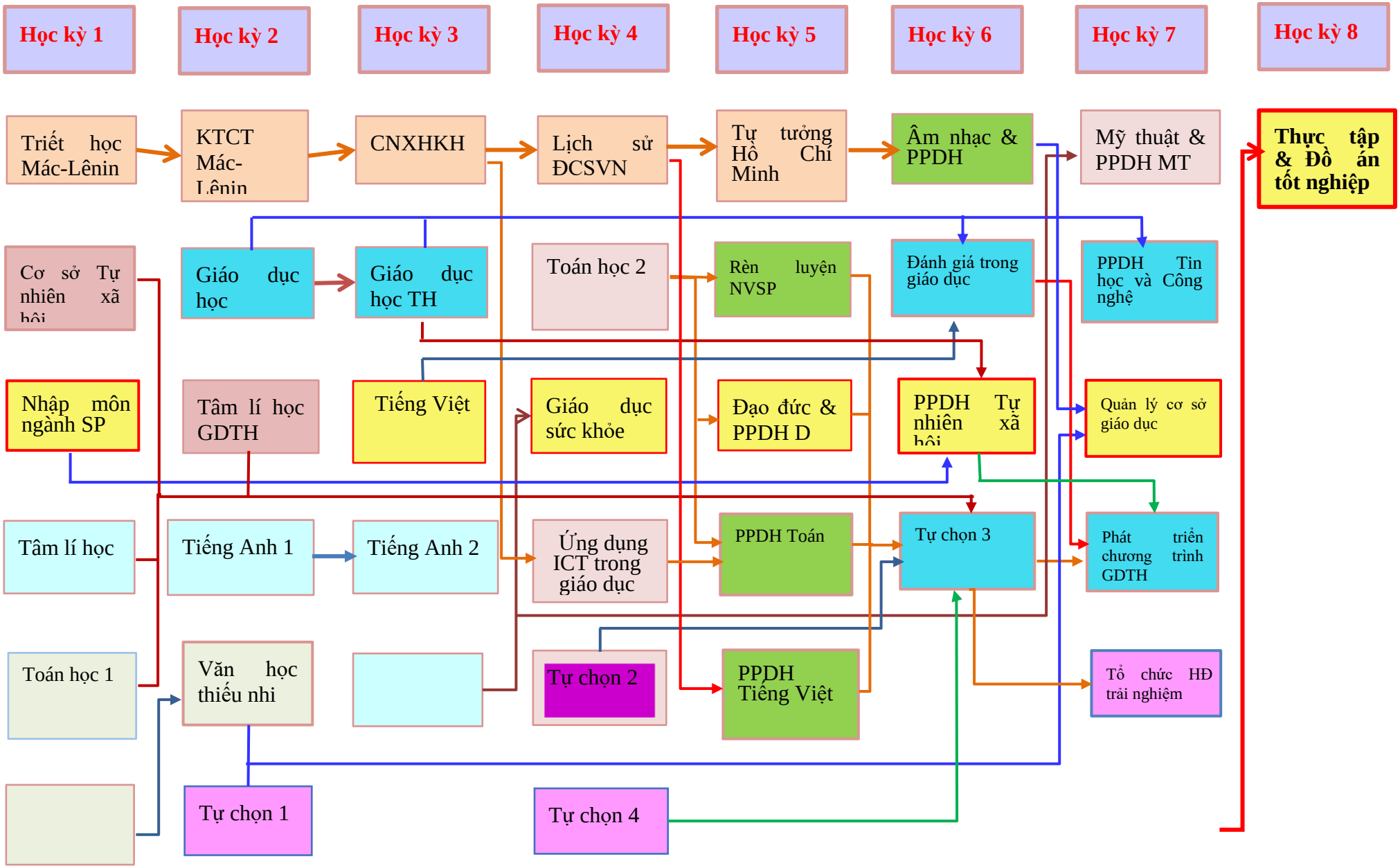
Học kỳ 1
Học kỳ 2
Học kỳ 3
Học kỳ 4
Học kỳ 5
Học kỳ 6
Học kỳ 7
Học kỳ 8
Triết học Mác-Lênin
KTCT Mác-Lênin
CNXHKH
Lịch sử ĐCSVN
Tư tưởng Hồ Chí Minh
Âm nhạc & PPDH
Mỹ thuật & PPDH MT
Thực tập & Đồ án tốt nghiệp
Cơ sở Tự nhiên xã hội
Giáo dục học
Giáo dục học TH
Toán học 2
Rèn luyện NVSP
Đánh giá trong giáo dục
PPDH Tin học và Công nghệ
Nhập môn ngành SP
Tâm lí học GDTH
Tiếng Việt
Giáo dục sức khỏe
Đạo đức & PPDH D
PPDH Tự nhiên xã hội
Quản lý cơ sở giáo dục
Tâm lí học
Tiếng Anh 1
Tiếng Anh 2
Ứng dụng ICT trong giáo dục
PPDH Toán
Tự chọn 3
Phát triển chương trình GDTH
Toán học 1
Văn học thiếu nhi
Tự chọn 2
PPDH Tiếng Việt
Tổ chức HĐ trải nghiệm
Tự chọn 1
Tự chọn 4

PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

PED20002: Học phần Nhập môn ngành sư phạm

1. Mô tả học phần

Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* là học phần học đầu tiên trong khối kiến thức khoa học giáo dục của Chương trình đào tạo Sư phạm Giáo dục tiểu học. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan về nghề nghiệp và ngành học. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự và làm chủ quá trình học tập của bản thân.

2. Mục tiêu học phần

Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* trình bày khái quát về ngành Sư phạm, chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm GDTH; quy trình thực hiện dự án học phần. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Trình bày khái quát về ngành sư phạm, hệ thống giáo dục và những đổi mới về giáo dục phổ thông của Việt Nam; phẩm chất, năng lực về dạy học và giáo dục của giáo viên phổ thông.

2- Trình bày mục tiêu, những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS trong Chương trình GDTH; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm GDTH

3- Thể hiện tư duy hệ thống và tư duy sáng tạo thông qua việc lập kế hoạch, quản lí thời gian và nguồn lực trong quá trình học, trải nghiệm thực tế ở trường phổ thông

4- Thể hiện tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong nhà giáo trong trường phổ thông

5- Tổ chức hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra

6- Thể hiện kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động nhóm và thuyết trình sản phẩm dự án học phần

7- Nhận diện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông và vai trò của giáo viên tiểu học trong hoạt động dạy học và giáo dục

8- Hình thành ý tưởng cho trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông

9- Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông

10- Thực hiện kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông

11- Đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp

INF20002: Học phần Cơ sở Tự nhiên và Xã hội

1. Mô tả học phần

Học phần Cơ sở Tự nhiên – Xã hội là học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm ngành Tiểu học và được phân kỳ ở học kỳ 1. Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, giúp sinh viên có thể vận dụng trong thực tiễn tìm hiểu, nghiên cứu và giảng dạy các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý của chương trình giáo dục ở cấp Tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Mục tiêu học phần

Mục tiêu học phần *Cơ sở Tự nhiên – Xã hội* nhằm trang bị một số kiến thức cơ sở về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong nội dung chương trình các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở Tiểu học. Bên cạnh đó, học phần cũng được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, góp phần hình thành và phát triển các năng lực giao tiếp, hợp tác, hình thành ý tưởng – lập kế hoạch – thực hiện các hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Trình bày được các kiến thức cơ bản về vật chất và năng lượng, thực vật và động vật, địa lý đại cương, lịch sử Việt Nam, gia đình và địa phương trong nội dung chương trình các môn Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học.

2- Thiết kế được bài giảng điện tử, biên tập các tập tin đa phương tiện để phục vụ cho việc xây dựng nội dung giảng dạy các môn Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học

3- Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên – khoa học xã hội vào thực tiễn giảng dạy trong chương trình giáo dục ở Tiểu học

4- Có khả năng tự khám phá, phân tích, đánh giá và tổng hợp tri thức từ nhiều nguồn thông tin về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhằm vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp ở Tiểu học

5- Có khả năng thuyết trình, trình bày ý tưởng, giao tiếp dưới nhiều hình thức

6- Có khả năng lập kế hoạch, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hợp tác làm việc theo nhóm

7- Vận dụng được các ý tưởng dạy học tích cực, dạy học tiếp cận năng lực cho học sinh đối với các môn Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học

EDU20008: TOÁN HỌC 1

1. Mô tả học phần

Học phần ***Toán học 1*** trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp, logic toán, lý thuyết về số tự nhiên có liên quan đến việc dạy học toán cho học sinh tiểu học; rèn luyện cho sinh viên năng lực tư duy logic, suy luận, phán đoán, giải quyết vấn đề.

3. Mục tiêu học phần

Học phần *Toán học 1* trình bày kiến thức về lý thuyết tập hợp; Lôgic Toán và số tự nhiên. Hình thành kỹ năng phân tích chương trình môn Toán ở cấp tiểu học và đánh giá chương trình môn Toán ở tiểu học ở mức độ đơn giản. Nhận biết được sự cần thiết, ý

nghĩa của môn học và mối liên hệ của học phần Toán học 1 với nội dung môn Toán ở cấp tiểu học. Người học thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp. Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, đánh giá các hoạt động dạy học Toán cho học sinh của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra

1. *Phân tích* được các khái niệm cơ bản của lý thuyết tập hợp, logic toán và cấu trúc đại số.

2. Minh họa được các khái niệm cơ bản của lý thuyết tập hợp, logic toán và cấu trúc đại số.

3. *Trình bày* được các tính chất, định lý liên quan đến lý thuyết tập hợp, logic toán và cấu trúc đại số.

4. *Giải quyết được* các bài toán trong nội bộ toán học và trong thực tiễn có liên quan đến lý thuyết tập hợp, logic toán và cấu trúc đại số.

5. *Nhận thức* được tầm quan trọng của tính tích cực, tự giác và độc lập trong học tập.

EDU 20009. Văn học thiếu nhi

2. Mô tả học phần

Văn học thiếu nhi là HP bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục tiểu học. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn học gần gũi, thiết thực đối với học sinh lứa tuổi tiểu học. Nội dung HP gồm một số vấn đề khái quát về văn học thiếu nhi, các thể loại văn học dân gian có liên quan tới nhận thức của thiếu nhi, các tác giả văn học viết thiếu nhi tiêu biểu, một số tác phẩm văn học thiếu nhi nước ngoài. HP chú trọng giới thiệu những tác phẩm văn học thiếu nhi được tuyển chọn trong chương trình Tiếng Việt cấp tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên: Giải thích và phân tích được những kiến thức về văn học thiếu nhi nói chung và một số tác giả tác phẩm tiêu biểu của văn học thiếu nhi Việt Nam và nước ngoài, từ văn học dân gian đến văn học viết hiện đại. Sinh viên có khả năng hình thành và vận dụng các thao tác tư duy để phân tích, so sánh, đánh giá các nội dung bộ phận của văn học thiếu nhi; thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Lí giải được một số vấn đề khái quát của văn học thiếu nhi: định nghĩa, các bộ phận cấu thành, đặc trưng, vai trò tác dụng của văn học thiếu nhi đối với HSTH

2- Xác định được lịch sử phát triển của nền văn học thiếu nhi Việt Nam

3- Phân tích được thành tựu của các thể loại văn học dân gian thiếu nhi, đặc điểm về nội dung và hình thức nghệ thuật của văn học thiếu nhi Việt Nam và nước ngoài

4- Phân tích được giá trị của các tác phẩm VHTN Việt Nam tiêu biểu trên các phương diện: định nghĩa, nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa - tác dụng đối với HSTH

5- Đánh giá được ý nghĩa các tác phẩm văn học thiếu nhi trong chương trình Tiếng Việt cấp tiểu học

6- Phát triển tư duy hình tượng nghệ thuật, tư duy phản biện, sáng tạo qua các hoạt động học tập

7- Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả khi thực hiện các nội dung bài tập, thảo luận

POL11003. Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Mô tả học phần

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

2. Mục tiêu học phần

Sinh viên có khả năng: Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội

2- Áp dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam

3- Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

4- Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

EDU30014. Giáo dục học tiểu học

1. Mô tả học phần

Học phần **Giáo dục học tiểu học** đóng vai trò then chốt trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm ngành Giáo dục Tiểu học, giúp sinh viên tiếp cận với các hoạt động ở trường tiểu học sau này sẽ công tác. Học phần này cung cấp cho người học hệ thống tri thức về nhà trường Tiểu học, người giáo viên và học sinh tiểu học; hệ thống tri thức lý thuyết và các kỹ năng cơ bản về cách thức tổ chức, thực hiện hoạt động dạy học ở Tiểu học; hệ thống tri thức lý thuyết và các kỹ năng cơ bản về cách thức tổ chức, thực hiện hoạt động giáo dục trải nghiệm ở Tiểu học. Có ý thức và khả năng nâng cao năng lực dạy học, giáo dục, đánh giá học sinh tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

Sinh viên phân tích và vận dụng được những kiến thức cơ bản của giáo dục tiểu học: nhà trường Tiểu học, người giáo viên và học sinh tiểu học; những vấn đề cơ bản của

việc tổ chức hoạt động dạy học ở tiểu học, vấn đề đổi mới dạy học ở tiểu học; những vấn đề cơ bản của việc tổ chức hoạt động giáo dục ở tiểu học trong thực tiễn công tác tại trường tiểu học. Sinh viên phát triển được năng lực phân tích, đánh giá, trình bày, đề xuất, bảo vệ các ý tưởng về các vấn đề lý luận và thực tiễn giáo dục tiểu học; Năng lực tìm hiểu học sinh và xây dựng môi trường giáo dục tích cực; Năng lực tổ chức, hợp tác, lãnh đạo hoạt động nhóm để giải quyết các vấn đề về lý luận và thực tiễn của giáo dục tiểu học; Năng lực giao tiếp với các đối tượng giáo dục để giải quyết các vấn đề trong công tác giáo dục tiểu học. Sinh viên hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển được một dự án liên quan đến học phần. Từ đó, giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp, phong cách và chuẩn mực của một người giáo viên tiểu học trong tương lai.

1. Chuẩn đầu ra học phần

1- Trình bày được đặc điểm về nhà trường, người GV tiểu học, người học sinh tiểu học, những vấn đề cơ bản của phát triển giáo dục tiểu học hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam.

2- Phân tích và đánh giá được các vấn đề về tổ chức hoạt động dạy học ở tiểu học để bước đầu vận dụng vào thực tiễn ở trường tiểu học;

3- Phân tích và đánh giá được các vấn đề về tổ chức hoạt động giáo dục ở tiểu học để bước đầu biết vận dụng vào thực tiễn ở trường tiểu học;

4- Thể hiện kỹ năng thiết kế kế hoạch và thực hiện đồ án học phần được phân công; tổ chức, quản lí thời gian và nguồn lực trong quá trình học tập và tham gia trải nghiệm ở trường tiểu học

5- Thể hiện tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong và chuẩn mực của người giáo viên tiểu học

6- Có kỹ năng tổ chức, hoạt động nhóm, kỹ năng hợp tác, phối hợp và chia sẻ trách nhiệm và lãnh đạo nhóm, có năng lực thuyết trình trước nhóm và lớp

7- Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong môi trường sư phạm

8- Phân tích và đánh giá được các vấn đề dạy học và giáo dục ở tiểu học, vai trò của giáo viên trong sự nghiệp phát triển giáo dục tiểu học

9- Hình thành ý tưởng cho chủ đề của đồ án học phần

10- Lập kế hoạch thực hiện chủ đề của đồ án học phần

11- Thực hiện chủ đề của đồ án học phần

12- Đánh giá và đưa ra kế hoạch học tập, rèn luyện để trở thành giáo viên tiểu học tương lai đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp

ENG10002. Tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

Tiếng Anh 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương

đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

2. Mục tiêu học phần

Giúp sinh viên: Nắm vững kiến thức tổng quan về ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 3 trong giao tiếp, Phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 3. Đồng thời giúp SV hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh.

2. Chuẩn đầu ra học phần

1- Nêu được các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh: *verb pattern + to infinitive; going to, will; hiện tại hoàn thành; giới từ, đại từ quan hệ; câu điều kiên; câu bị động, câu gián tiếp; các động từ tình thái.*

2- Phân biệt được kiến thức thông dụng trong tiếng Anh: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.*

3- Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới.

4- Xác định được các thông tin chính trong các bài nghe khác nhau về các chủ đề được học: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.*

5- Xác định được các thông tin quan trọng từ các dạng bài đọc khác nhau về các chủ đề: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.*

6- Trình bày được có loại văn bản khác nhau, viết đoạn , viết CV, viết thư trang trọng, liên quan đến các chủ đề *(du lịch, thể thao, trang phục, điện ảnh, nghề nghiệp, trường học, môi trường, giao thông, thế giới tự nhiên, chi tiêu)*

7- Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.

8- Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.

9- Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp về thì, các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện vào trong các giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh

10- Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp

11- Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu

13- Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp

14- Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp

15- Nâng cao hiệu quả năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh

EDU31038. Tiếng Việt

1. Mô tả học phần

Học phần *Tiếng Việt* thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục tiểu học. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau**:** - Đại cương về ngôn ngữ và tiếng Việt: vai trò, chức năng ngôn ngữ và đặc điểm loại hình tiếng Việt. - Ngữ âm tiếng Việt: Các đơn vị ngữ âm, Âm tiết tiếng Việt, Hệ thống âm vị tiếng Việt, Chữ viết và chính tả tiếng Việt. - Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt: Khái quát về từ, cấu tạo từ tiếng Việt, các lớp từ có quan hệ về âm hoặc nghĩa, các lớp từ phân loại theo nguồn gốc. - Ngữ pháp tiếng Việt: từ loại tiếng Việt, cụm từ tiếng Việt, câu tiếng Việt.

2. Mục tiêu học phần

Giúp SV: Áp dụng được các tri thức về tiếng Việt ở các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ vào quá trình dạy học Tiếng Việt ở TH và thực tiễn sử dụng tiếng Việt; Thể hiện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm; Nhận biết và phân tích được mục đích của việc học môn Tiếng Việt. Giải quyết các bài tập về các hiện tượng trong ngôn ngữ tiếng Việt. Vận dụng được các kiến thức trên trong thực tiễn dạy học tiếng Việt ở tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Trình bày được các nội dung cơ bản về vai trò, chức năng ngôn ngữ, đặc điểm loại hình của tiếng Việt.

2- Phân tích được khái niệm, đặc điểm về các vấn đề ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ tiếng Việt

3- Có khả năng vận dụng tri thức về ngôn ngữ tiếng Việt trong việc nhận diện, miêu tả, phân tích các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể.

4- Vận dụng được kiến thức về tiếng Việt vào rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết

5- Xác định được ý nghĩa và vị trí của những kiến thức về tiếng Việt trong hệ thống nội dung chương trình môn Tiếng Việt ở TH.

6- Có khả năng thuyết trình và làm việc nhóm có hiệu quả

Tự chọn 1

EDU20014. Đại cương văn học Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục tiểu học. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ

bản hệ thống về những vấn đề khái quát của: (i) Văn học dân gian: khái niệm, đặc trưng, phân loại, vai trò tác dụng đối với nền văn hóa, văn học dân tộc; (ii) Văn học viết Việt Nam: khái niệm, ý thức hệ tư tưởng, đặc điểm và thành tựu của văn học Việt Nam qua các giai đoạn (Văn học trung đại, Văn học hiện đại). Đồng thời, HP Đại cương văn học Việt Nam còn chú trọng đến những tác phẩm văn học được tuyển chọn vào chương trình Tiếng Việt cấp tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

Học phần nhằm: Phát triển kiến thức về văn học Việt Nam đại cương gồm Văn học dân gian, Văn học trung đại và Văn học hiện đại. SV thể hiện kỹ năng phân tích, so sánh, đánh giá các giá trị, thành tựu của văn học Việt Nam, giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong quá trình học tập.

2. Chuẩn đầu ra học phần

1- Lí giải được một số vấn đề: khái niệm văn học dân gian, tên gọi và cách phân kỳ giai đoạn văn học viết, quá trình phát triển của văn học Việt Nam.

2- Phân tích được một số vấn đề: đặc trưng của văn học dân gian; đặc điểm của từng giai đoạn văn học viết; đặc điểm về nội dung và hình thức của văn học trung đại.

3- Tổng hợp được các khuynh hướng, trào lưu của văn học trung đại và văn học hiện đại qua mỗi thời kỳ văn học.

4- Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học trong chương trình Tiếng Việt cấp tiểu học.

5- Phát triển tư duy hình tượng nghệ thuật, tư duy phản biện, sáng tạo qua các hoạt động học tập

6- Phối hợp, làm việc nhóm khi thực hiện các nội dung bài tập, thảo luận

EDU20011. Giao tiếp sư phạm

1. Mô tả học phần

Học phần *Giao tiếp sư phạm* là học phần tự chọn 1, dùng cho các nhóm ngành Giáo dục tiểu học (GDTH), Giáo dục mầm non (GDMN) và Quản lý giáo dục (QLGD).

Học phần Giao tiếp sư phạm cung cấp cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm, hệ thống lý thuyết và thực hành nhằm hình thành cho người học những kỹ năng và năng lực giao tiếp sư phạm; qua đó người học có thể phân tích, đánh giá và xử lý các tình huống sư phạm nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp, ứng xử chuyên nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

3. Mục tiêu học phần

Học phần *Giao tiếp sư phạm* nhằm giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm để phân tích được đối tượng giao tiếp, có chiến lược giao tiếp, biết lựa chọn phương thức giao tiếp, thực hiện và điều chỉnh được hoạt động giao tiếp, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục. Giao tiếp sư phạm nhằm trang bị cho sinh viên các kĩ năng phân tích, đánh giá và xử lý được các tình

huống nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp để ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Trình bày được các kiến thức khoa học cơ bản về khái niệm, hình thức, phương tiện và các kĩ năng giao tiếp sư phạm cơ bản.

2- Xác định được các nguyên tắc trong giao tiếp sư phạm.

3- Đánh giá được các phong cách giao tiếp sư phạm.

4- Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong xử lý các tình huống giáo dục để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, tích cực

5- Có trách nhiệm trong công tác giáo dục học sinh và dành sự quan tâm đặc biệt đến sự phát triển nhân cách của người học

6- Vận dụng để ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

7- Lựa chọn phương tiện và thực hiện thành thạo các hình thức giao tiếp trong quá trình giao tiếp sư phạm với các đối tượng giao tiếp.

8- Đánh giá được các tình huống giao tiếp sư phạm từ đó lựa chọn được chiến lược giao tiếp, phương thức giao tiếp, thực hiện và điều chỉnh được hoạt động giao tiếp.

9- Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục.

10- Đánh giá được tác động của giao tiếp sư phạm trong dạy học và giáo dục học sinh.

EDU20019. Lý luận văn học

1. Mô tả học phần

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục tiểu học. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về những vấn đề khái quát của Lí luận văn học: Bản chất của văn học, Tác phẩm văn học, Phương pháp phân tích tác phẩm văn học, nhằm phục vụ cho quá trình dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

Giúp SV: Phát triển một số kiến thức cơ bản về lí luận văn học, khả năng hình thành và vận dụng tri thức mới để phân tích, so sánh, đánh giá các bộ phận nội dung Lí luận văn học, thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Giải thích được các khái niệm cơ bản về lí luận văn học

2- Hiểu và lí giải được một số vấn đề khái quát về bản chất của văn học: Văn học là một loại hình nghệ thuật, Chức năng văn học, Tính khuynh hướng trong văn học

3- Phân tích được một số vấn đề khái quát về tác phẩm văn học: Tác phẩm văn học là một chỉnh thể thẩm mỹ, Đề tài, chủ đề và tư tưởng tác phẩm, Nhân vật và tính cách, Cốt truyện và kết cấu, Ngôn ngữ trong tác phẩm văn học

4- Tổng hợp được một số vấn đề khái quát về phân tích tác phẩm văn học: Mục đích của phân tích TPVH, Các bình diện của phân tích TPVH, Nguyên tắc phân tích TPVH, Các biện pháp phân tích TP VH

5- Vận dụng được PP phân tích, nghiên cứu TP VH vào việc phân tích các TP VH trong chương trình Tiếng Việt tiểu học

6- Phối hợp, làm việc nhóm khi thực hiện các nội dung bài tập, thảo luận

7- Phát triển tư duy hình tượng nghệ thuật, tư duy phản biện, sáng tạo trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập

EDU20025. Ngữ dụng học

1. Mô tả học phần

Học phần *Ngữ dụng học* thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục tiểu học, bao gồm những nội dung cơ bản sau: - Khái quát về ngữ dụng học;- Sự chiếu vật;- Hành động ngôn ngữ;- Lý thuyết lập luận;- Lý thuyết hội thoại; - Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.

Với những kiến thức này, sinh viên có thể áp dụng vào việc nghiên cứu và sử dụng các biện pháp phát triển năng lực giao tiếp cho HS thông qua các phân môn Tập làm văn, Tập đọc, Luyện từ và câu ở tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

Cung cấp cho SV kiến thức khái quát và cụ thể về ngữ dụng học-phân ngành ngôn ngữ học nghiên cứu ngôn ngữ trong sử dụng

Thể hiện kỹ năng phân tích, giải thích và ứng dụng các vấn đề ngữ dụng học vào quá trình sử dụng tiếng Việt và dạy học tiếng Việt cho HS tiểu học; kỹ năng giao tiếp lịch sự, tế nhị, đạt hiệu quả cao phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. SV có khả năng hình thành và vận dụng tri thức mới để phân tích, đánh giá các vấn đề trong dạy học tiếng Việt cho HS tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Phân tích, lý giải được những vấn đề chung về sự ra đời của ngữ dụng học, sự khác biệt của ngữ dụng học và các ngành ngôn ngữ học truyền thống

2- Giải thích được các khái niệm của Ngữ dụng học

3- Phân tích, minh họa được các nội dung của Ngữ dụng học

4- Ý thức vị trí, vai trò của Ngữ dụng học trong giao tiếp và quá trình dạy học Tiếng Việt ở TH

5- Phối hợp, làm việc nhóm hiệu quả khi thực hiện các nội dung bài tập, thảo luận về ngữ dụng học

EDU31005. Từ Hán Việt

Mô tả học phần

Học phần *Từ Hán Việt* thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục tiểu học. Học phần này giúp sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học tích lũy các tri thức về từ ngữ Hán Việt, bao gồm: khái niệm từ Hán Việt,

vai trò của từ Hán Việt trong tiếng Việt, nhận diện từ Hán Việt, ngữ nghĩa và phương pháp nắm nghĩa từ Hán Việt, dạy học từ Hán Việt ở tiểu học.. Trên cơ sở đó, sinh viên hình thành được các kĩ năng nhận diện từ Hán Việt, giải nghĩa từ Hán Việt, phân tích giá trị ngữ nghĩa của từ Hán Việt...Lựa chọn nghiên cứu học phần *Từ Hán Việt* sinh viên sẽ tạo được nền tảng kiến thức bền vững cho việc tìm hiểu nội dung và phương pháp làm giàu vốn từ cho học sinh tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

SV có khả năng: Giải thích được các kiến thức về khái niệm, quá trình hình thành, đặc điểm cấu tạo - ngữ nghĩa và vai trò của từ Hán Việt; phương pháp nhận diện; phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt; phương pháp dạy học từ Hán Việt ở tiểu học. Thực hiện được các thao tác nhận diện, giải nghĩa, phân tích giá trị ngữ nghĩa; sử dụng được các phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt và phương pháp dạy từ ngữ Hán Việt cho học sinh tiểu học. SV phát triển được kĩ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Giải thích được những vấn đề về khái niệm từ Hán Việt, quá trình hình thành và vai trò của từ Hán Việt trong tiếng Việt.

2- Phân tích được đặc điểm hoạt động ngữ nghĩa của từ Hán Việt và vấn đề mở rộng vốn yếu tố Hán Việt

3- Xác định được từ Hán Việt trong các ngữ liệu tiếng Việt cụ thể

4- Xác định được vị trí, ý nghĩa của các tri thức về từ Hán Việt trong dạy học từ ngữ tiếng Việt ở tiểu học.

5- Phối hợp, làm việc nhóm hiệu quả khi thực hiện các nội dung nghiên cứu về từ Hán Việt.

EDU20020. Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về vấn đề "lấy trẻ làm trung tâm"; Trang bị kỹ năng và giúp sinh viên có các năng lực: hình thành ý tưởng, xây dựng môi trường giáo dục theo quan điểm "lấy trẻ làm trung tâm". Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra học phần

EDU31033. Giáo dục sức khỏe

1. Mô tả học phần

Học phần Giáo dục sức khỏe là học phần khối kiến thức tự chọn của Chương trình đào tạo Sư phạm tiểu học. Học phần này giúp người học có kiến thức cốt lõi về chức năng, cơ chế hoạt động, quy luật phát triển, biện pháp phòng và điều trị một số bệnh học đường thông thường liên quan đến học sinh cấp tiểu học. Đồng thời học phần này cũng trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về giáo dục sức khoẻ, vệ sinh

học đường nhằm làm tốt công tác chăm sóc, giáo dục và tư vấn sức khoẻ ban đầu cho học sinh và phụ huynh.

2. Mục tiêu học phần

Học phần Giáo dục sức khoẻ cung cấp cho người học, kiến thức, kỹ năng về cấu tạo, chức năng của các cơ quan, kiến thức về dinh dưỡng, vệ sinh phòng bệnh, vì vậy người học có thể áp dụng nó vào quá trình chăm sóc sức khỏe trẻ em cấp tiểu học. Bên cạnh đó, còn rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích, tổng hợp, khả năng thuyết trình và tư duy phản biện. Hình thành kỹ năng hợp tác trong học tập và nghiên cứu. Phát triển năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, tìm kiếm thông tin, kỹ năng ICT, thiết kế kế hoạch đánh giá, chăm sóc và giáo dục trẻ một cách khoa học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Trình bày được một số khái niệm cơ bản của liên quan đến môn học

2- Chứng minh được sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể.

3- Áp dụng kiến thức dinh dưỡng học, vệ sinh học và bệnh học trẻ em vào chăm sóc sức khỏe học sinh tiểu học

4- Thể hiện tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong nhà giá. Có phẩm chất chính trị, có trách nhiệm đến sự phát triển của thế hệ trẻ;

5- Đề xuất và thực hiện các giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học

6- Kiên trì và linh hoạt; tư duy sáng tạo; khả năng tự nhận thức và tự học; năng lực quản lí thời gian và nguồn lực

7- Xác định được các đặc điểm nhận thức và tâm-sinh lí lứa tuổi của học sinh tiểu học

8- Sử dụng thành thạo các hình thức giao tiếp bằng văn bản, lời nói, giao tiếp điện tử trong các hoạt động học tập

9- Tổ chức và vận hành các nhóm công việc học tập.

10- Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục học sinh tiểu học.

POL11004. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối khối kiến giáo dục đại cương của các ngành đào tạo. Học phần gồm 3 chương, trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

2. Mục tiêu học phần

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Giải thích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.

2- Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3- Rèn luyện được khả năng bảo vệ đường lối của Đảng và rút bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.

EDU30093. Toán học 2

1. Mô tả môn học

- Trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, môn học Toán 2 được giảng dạy ở học kì 4, sau khi sinh viên đã học môn Toán 1 và Nhập môn ngành sư phạm. Môn học này được thiết kế nhằm mục đích cung cấp nền tảng kiến thức cơ sở cho việc giảng dạy số học và đo lường cho sinh viên sau khi tốt nghiệp; đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết cho việc học tập tốt các môn học tiếp theo trong chương trình như: Phương pháp dạy học toán, Thực hành giải toán ở tiểu học, Phát triển chương trình giáo dục tiểu học và các học phần rèn nghề....Môn học này nhằm giúp sinh viên có cách nhìn tổng quát, hệ thống về sự hình thành và mở rộng của hệ thống các tập hợp số cùng với các quan hệ và những phép toán trên chúng; trang bị những kiến thức cơ bản về đại lượng, phép đo và hệ thống đơn vị đo đại lượng tương ứng; và hướng dẫn vận dụng những kiến thức này trong thực tế dạy học toán ở tiểu học.

2. Mục tiêu môn học

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên: Những kiến thức cơ bản về một số cấu trúc đại số như: nửa nhóm, vị nhóm, nhóm, vành và trường; Kiến thức hệ thống về các tập hợp số như: tự nhiên, số hữu tỉ, số thập phân; Kiến thức cơ bản về đại lượng, phép đo và hệ thống đơn vị đo; Sự tự tin vận dụng những hiểu biết trên vào giải thích, phân tích và đánh giá các nội dung kiến thức về số học và đại lượng trong các tài liệu về toán tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Giải thích được một số cấu trúc đại số cơ bản và mô tả được một số tính chất đặc biệt của các phần tử và phép toán trên mỗi cấu trúc tương ứng.

2- Xác định được cấu trúc đại số cụ thể trên các tập hợp số ở Tiểu học

3- Giải thích và phân tích được nội dung và cách trình bày các kiến thức về số học trong chương trình Sách giáo khoa toán tiểu học hiện hành.

4- Xác định và phân tích được nội dung và cách trình bày các đại lượng cùng hệ thống đơn vị đo trong chương trình Sách giáo khoa toán tiểu học hiện hành

5- Thể hiện chính kiến và sự linh hoạt trong vận dụng những kiến thức về số và đại lượng trong đánh giá nội dung hoặc trình bày kết quả tự nghiên cứu

6- -Chứng tỏ được sự khác nhau giữa khái niệm hoá và sự trừu tượng, giữa tổng hợp và tổng quát hoá

7- Mô tả được phạm vi và độ chuyên sâu của những kiến thức số học và đại lượng được bổ sung thêm vào nguồn hiểu biết của bản thân cũng như thảo luận được tầm quan trọng của những kiến thức này trong việc giáo dục toán học ở tiểu học, từ đó chủ động lựa chọn được những nội dung cần thiết cho hoạt động tự học

Tự chọn 2

EDU31030. Cơ sở hình học và thống kê

1. Mô tả học phần

Trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, môn học *Cơ sở toán học của Yếu tố hình học và Yếu tố thống kê ở tiểu học* được giảng dạy sau khi sinh viên đã học môn Toán cơ sở, Toán chuyên ngành. Đây là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo của ngành Giáo dục tiểu học. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên cơ sở toán học của hai nội dung kiến thức Yếu tố hình học và Yếu tố thống kê ở tiểu học, từ đó có kỹ năng phân tích chương trình sách giáo khoa môn Toán và tổ chức các hoạt động dạy học Yếu tố hình học và Yếu tố thống kê đạt hiệu quả hơn, chuẩn bị cho nghề nghiệp dạy học sau này.

3. Mục tiêu học phần

Học phần *Cơ sở Hình học và Thống kê ở tiểu học* nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở toán học của nội dung Hình học và Thống kê trong môn Toán ở tiểu học. Thông qua học tập học phần *Cơ sở Hình học và Thống kê ở tiểu học* giúp sinh viên tìm kiếm và phát hiện cơ sở toán học trong nội dung dạy học Hình học và thống kê ở tiểu học. Đồng thời rèn luyện sinh viên sự linh hoạt và sáng tạo trong việc xác định mục tiêu và lựa chọn phương pháp dạy học nội dung Hình học và Thống kê ở tiểu học một cách hợp lý.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1. *Giải thích* được cơ sở Hình học trong môn Toán ở tiểu học

2. *Giải thích* được cơ sở Thống kê trong môn Toán ở tiểu học

3. *Có khả năng* tự học, làm việc độc lập trong dạy học môn Toán

4. *Thể hiện* được cách giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn dạy học môn Toán

EDU20015. Đại số sơ cấp

1. Mô tả học phần

Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức cơ sở của học phần Toán học 1, Toán học 2 một cách có hệ thống. Hình thành các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề

nghiệp. Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp để hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và bước đầu biết đánh giá hoạt động dạy học.

2. Mục tiêu học phần

Thông qua học phần *Đại số sơ cấp* trang bị các nội dung: Biểu thức toán học; Giá trị của biểu thức và các phép biến đổi tương đương; Phương trình, hệ phương trình và một số dạng phương trình, hệ phương trình; Bất đẳng thức và bất phương trình. Hệ thống kiến thức Số và phép tính ở tiểu học thông qua học phần này. Vận dụng được kiến thức Đại số sơ cấp vào trong quá trình dạy học môn Toán ở cấp tiểu học. Có khả năng làm việc theo nhóm và giao tiếp bằng nhiều hình thức khác nhau. Phân tích được chương trình môn Toán ở cấp tiểu học nhằm đổi mới quá trình dạy học. Thiết kế được các tình huống dạy học toán ở cấp tiểu học thông qua kiến thức về phương trình, hệ phương trình; Bất đẳng thức; Bất phương trình.

Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức cơ sở của học phần Toán học 1, Toán học 2 một cách có hệ thống. Hình thành các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp. Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp để hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và bước đầu biết đánh giá hoạt động dạy học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1. Trình bày được cơ sở khoa học của các nội dung Biểu thức toán học; Giá trị của biểu thức; Phương trình; Bất phương trình và bất đẳng thức.
2. Có khả năng hệ thống kiến thức yếu tố đại số ở tiểu học thông qua học phần Đại số sơ cấp.
3. Vận dụng kiến thức Đại số sơ cấp vào trong quá trình dạy học môn toán ở cấp tiểu học.
4. Tổ chức các hoạt động giải toán ở tiểu học xuất phát từ kiến thức Đại số sơ cấp.

EDU20016. Giáo dục hòa nhập

1. Mô tả học phần

Học phần *Giáo dục hoà nhập* cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học (GDTH), Giáo dục mầm non (GDMN) và Quản lý giáo dục (QLGD) những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập, từ đó giúp người học vận dụng để tổ chức có hiệu quả hoạt động giáo dục và dạy học hòa nhập trong nhà trường hiện nay.

Giáo dục hoà nhập nhấn mạnh bản chất của giáo dục trên cơ sở nhìn nhận đầy đủ, khách quan và hiện đại về trẻ khuyết tật để tiến hành dạy học hòa nhập và hỗ trợ trong giáo dục hòa nhập.

Giáo dục hoà nhập trang bị kiến thức và kỹ năng để nhận diện các nhóm trẻ khuyết tật; thiết kế và tiến hành bài học theo hướng tiếp cận cá nhân trong giáo dục hòa nhập; tổ chức hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

2. Mục tiêu học phần

Học phần *Giáo dục hoà nhập* nhằm giúp sinh viên vận dụng thành thạo những kiến thức về giáo dục hòa nhập và năng lực thiết kế và tiến hành bài học theo hướng tiếp cận cá nhân trong giáo dục hòa nhập; tổ chức hỗ trợ giáo dục hòa nhập; Trên cơ sở kiến thức và kỹ năng được trang bị từ học phần, sinh viên thể hiện sự sẵn sàng, sự kiên kiên trì và linh hoạt trong các hoạt động GDHN; khả năng linh hoạt, tư duy sáng tạo và khả năng tiếp cận thực tiễn giáo dục và dạy học hòa nhập của bản thân từ những quan điểm khác nhau để thích nghi với sự đổi mới của môi trường giáo dục

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Vận dụng được kiến thức của khoa học tâm lý - giáo dục vào tìm hiểu HSKT; xây dựng môi trường GD HN

2- Vận dụng được kiến thức lí thuyết về lí luận dạy học và giáo dục hiện đại vào các hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá HSKT.

3- Vận dụng được các chiến lược dạy học hòa nhập để phát triển các phẩm chất, năng lực cho HSKT

4- Giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn GDHN cho HSKT.

5- Khả năng làm việc độc lập; đồng thời sẵn sàng phối hợp trong tiến hành giáo dục cho HSKT.

6- Xác định được các đặc điểm nhận thức và tâm-sinh lí lứa tuổi của học sinh các bậc học nói chung và HSKT và vận dụng những hiểu biết này vào các hoạt động giáo dục và dạy học hòa nhập

7- Thiết kế và tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động nhằm đánh giá phẩm chất và năng lực HSKT, đồng thời sử dụng được kết quả đánh giá để nâng cao chất lượng học tập của HS

8- Lựa chọn phương tiện và thực hiện giao tiếp phù hợp, hiệu quả với HSKT

9- Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác GDHN cho học sinh;

10- Xác định được mục tiêu và kế hoạch GDHN của nhà trường phổ thông

11- Thiết lập được hệ thống các mục tiêu và yêu cầu của nhiệm vụ trong thực tiễn GDHN

12- Xây dựng được kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật

EDU20018. Lịch sử và Địa lý địa phương

1. Mô tả học phần

Học phần *Lịch sử và Địa lý địa phương* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm ngành Giáo dục Tiểu học và được phân kỳ ở học kỳ 4. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về lịch sử và địa lý địa phương cấp tỉnh (Nghệ An), các phương pháp tiếp cận và khai thác nội dung giáo dục về lịch sử, địa lý địa phương trong nội dung chương trình giáo dục các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Mục tiêu học phần

Mục tiêu học phần *Lịch sử và Địa lý địa phương* nhằm trang bị các kiến thức cơ bản về lịch sử và địa lý địa phương cấp tỉnh (Nghệ An), các phương pháp tiếp cận và khai thác nội dung giáo dục về lịch sử, địa lý địa phương trong nội dung chương trình giáo dục các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bên cạnh đó, học phần cũng được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, góp phần hình thành và phát triển các năng lực giao tiếp, hợp tác, hình thành ý tưởng – lập kế hoạch – thực hiện các hoạt động giáo dục một cách linh hoạt và sáng tạo cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Sinh viên có kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hóa, địa lý địa phương cấp tỉnh (Nghệ An) và có thái độ trân trọng, yêu quý, tự hào về những giá trị lịch sử, văn hóa của địa phương.

2- Sinh viên có năng lực vận dụng các kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hóa, địa lý địa phương cấp tỉnh (Nghệ An) trong thực tiễn dạy học ở trường tiểu học.

3- Sinh viên có năng lực xác định được mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức dạy học lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục về lịch sử, địa lý địa phương trong các môn học (Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm).

4- Sinh viên có khả năng thuyết trình, trình bày ý tưởng, giao tiếp dưới nhiều hình thức

5- Sinh viên có khả năng lập kế hoạch, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hợp tác làm việc theo nhóm.

6- Sinh viên có khả năng vận dụng, phân tích, sáng tạo các nội dung giáo dục về lịch sử và địa lý địa phương dưới hình thức tích hợp, lồng ghép trong các môn học trong chương trình giáo dục cấp Tiểu học.

EDU20022. Phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến

Học phần "Một số phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến" là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính quy ngành Giáo dục mầm non theo tiếp cận CDIO.

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến như: phương pháp giáo dục sớm, Phương pháp giáo dục Montesssorri, Phương pháp giáo dục STEAM. Từ đó giúp sinh viên biết phân tích, áp dụng linh hoạt các kiến thức và kĩ năng vào thực tiễn hoạt động giáo dục mầm non.

EDU31031. Số học

1. Mô tả học phần

Học phần Số học giúp sinh viên có các kiến thức Số tự nhiên và quan hệ thứ tự giữa các số tự nhiên; Lý thuyết chia hết; Số nguyên tố; Hệ thống ghi số một cách có hệ thống. Bước đầu hình thành các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp. Kỹ năng

làm việc nhóm, giao tiếp để từ đó hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá hoạt động dạy học.

2. Mục tiêu học phần

Thông qua học phần *Số học* trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức về lý thuyết chia hết; Số nguyên tố; Hệ thống ghi số. Trên cơ sở kiến thức được trang bị, hình thành kỹ năng phân tích chương trình môn Toán ở cấp tiểu học và đánh giá chương trình môn Toán ở tiểu học ở mức độ đơn giản. Nhận biết được sự cần thiết, ý nghĩa của học phần Số học. Bước đầu hình thành được kỹ năng, phẩm chất cá nhân, định hướng phát triển nghề nghiệp và ý tưởng, thiết kế, thực hiện, đánh giá các hoạt động dạy học Toán cho học sinh của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1. Trình bày được cơ sở khoa học của các nội dung Lý thuyết chia hết; Số nguyên tố; Hệ thống ghi số.

2. Có khả năng hệ thống kiến thức yếu tố đại số ở tiểu học thông qua học phần Số học.

3. Vận dụng kiến thức Số học vào trong quá trình dạy học môn toán ở cấp tiểu học.

4. Tổ chức các hoạt động giải toán ở tiểu học xuất phát từ kiến thức Số học.

INF20005. Ứng dụng ICT trong giáo dục

1. Mô tả học phần

Học phần *Ứng dụng ICT trong giáo dục* trang bị các kiến thức và kỹ năng về lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông cho sinh viên hệ Cử nhân Sư phạm. Nội dung học phần nhằm rèn luyện kỹ năng linh hoạt thích ứng trong thời đại kỷ nguyên số, sử dụng hiểu biết và các kỹ năng đó như là công cụ để học tập và nghiên cứu nội dung các môn học tiếp theo, ứng dụng hiệu quả kiến thức ICT trong công việc giảng dạy sau này.

2. Mục tiêu học phần

Học phần *Ứng dụng ICT trong giáo dục* trình bày tổng quan về ICT, chuyển đổi số trong giáo dục; Phần mềm xây dựng bài giảng điện tử; Quy trình xây dựng học liệu số; Ứng dụng LMS trong hỗ trợ dạy học và kiểm tra đánh giá; Sử dụng các công cụ công nghệ thông tin trong hỗ trợ dạy học; Quy trình thực hiện dự án học phần.

Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch làm đề tài đồ án liên quan đến ngành học; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để ứng dụng ICT đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- *Giải thích* các khái niệm cơ bản về ICT trong bối cảnh chuyển đổi số trường học

2- *Trình bày* vai trò của ICT và chuyển đổi số trong giáo dục

3- *Thể hiện* khả năng tìm kiếm, tổng hợp thông tin từ Internet và nhiều nguồn khác nhau để xây dựng bài giảng điện tử

4- *Hình thành* các bước ứng dụng ICT trong xây dựng bài giảng điện tử

5- *Thể hiện* kỹ năng kết nối và sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm trong việc nâng cao hiệu quả dạy học

6- *Thể hiện* khả năng hình thành và tổ chức hiệu quả các hoạt động nhóm

7- *Thể hiện* kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình vấn đề thuyết phục

8- *Hình thành* ý tưởng xây dựng học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học

9- *Thiết kế* học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học

10- *Thiết kế* học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học

EDU31024. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm

1. Mô tả học phần

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm là học phần thực hành, thuộc học kỳ 6 chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học. Ở học phần này, sinh viên được ứng dụng kiến thức từ các học phần phương pháp dạy học vào hoạt động thực tiễn ở nhà trường tiểu học. Học phần này giúp SV hình thành được (1) các tri thức thực tiễn về dạy học các môn học và tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học; (2) các kĩ năng dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục ở tiểu học, gồm: kĩ năng phân tích chương trình - SGK, lập kế hoạch dạy học, tổ chức giờ học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS, phụ đạo HS yếu, bồi dưỡng HS có năng khiếu; kĩ năng thiết kế và sử dụng đồ dùng dạy học, ứng dụng CNTT trong dạy học; kĩ năng viết chữ đẹp và trình bày bảng; kĩ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm. Đồng thời, củng cố các kĩ năng đã được hình thành từ học phần *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1*. (3) Tình cảm, khả năng thích ứng với nghề nghiệp, tình yêu thương học sinh; tinh thần trách nhiệm, tác phong làm việc khoa học, sáng tạo; kỹ năng giao tiếp sư phạm; lối sống và ứng xử phù hợp của người giáo viên tiểu học cũng được hình thành qua học phần này.

2. Mục tiêu học phần

Giúp SV: Giải thích được các vấn đề về việc xác định mục tiêu, nội dung dạy học, lập kế hoạch dạy học, sử dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, thiết kế, sử dụng phương tiện dạy học và UCNTT trong dạy học; kiểm tra đánh giá kết quả học tập; tổ chức hoạt động trải nghiệm thông qua các môn học ở tiểu học; Phát triển được kĩ năng tự đánh giá và điều chỉnh về năng lực dạy học; kĩ năng tự học, tự phát triển năng lực nghề nghiệp; sự sáng tạo và tư duy phản biện; lòng yêu nghề, yêu thương, tôn trọng học sinh; khả năng thích nghi với hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên tiểu học; lối sống lành mạnh và lối ứng xử mô phạm; Lãnh đạo được nhóm rèn luyện nghiệp vụ sư phạm; giao tiếp có hiệu quả với giáo viên, học sinh, phụ huynh; hoàn thành bài luyện viết chữ trên bảng lớp; trình bày hiệu quả bài thuyết trình về sản phẩm rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong đồ án môn học; Thiết kế, tổ chức được giờ học; bài đánh giá kết quả học tập; hoạt động trải

nghiệm thông qua các môn học; thiết kế và sử dụng được đồ dùng dạy học; đánh giá được giờ dạy các môn học ở tiểu học, các sản phẩm rèn luyện NVSP.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Phân tích được mục tiêu, nội dung, phương pháp, kĩ thuật, hình thức tổ chức, qui trình dạy học dạy học các môn học ở tiểu học.

2- Giải thích được việc thiết kế, sử dụng các đồ dùng dạy học, các phương tiện kĩ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học các môn học ở tiểu học

3- Phân tích được mục tiêu, nội dung và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

4- Phân tích được mục tiêu, nội dung và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

5- Lãnh đạo được nhóm rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

6- Giao tiếp hiệu quả với học sinh, giáo viên và phụ huynh của trường tiểu học.

7- Thiết kế được KHBD các môn học Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Âm nhạc ở tiểu học.

8- Tổ chức dạy học được các tiết học các môn học Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Âm nhạc theo nhóm rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

9- Thiết kế được bài kiểm tra hoặc công cụ đánh giá, tiến hành đánh giá HS về kết quả học tập các môn Tiếng Việt, Toán ở tiểu học.

10- Tổ chức được hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học.

11- Đánh giá được các sản phẩm rèn luyện nghiệp vụ sư phạm: bài luyện viết chữ đẹp, giáo án, đồ dùng dạy học, bài kiểm tra, kịch bản hoạt động trải nghiệm theo nhóm.

EDU30032. Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức

1. Mô tả học phần

"Đạo đức và PPDH Đạo đức" là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính qui tiếp cận CDIO ngành Giáo dục tiểu học. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức về Tâm lí học và Giáo dục học tiểu học vào tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học; phát triển kĩ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kĩ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả; phát triển năng lực đánh giá bối cảnh giáo dục tiểu học, hình thành ý tưởng, thiết kế và tổ chức và đánh giá kết quả hoạt động giáo dục đạo đức ở tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên có hiểu biết nền tảng về lí luận và phương pháp giáo dục đạo đức để vận dụng những kiến thức này vào thực tiễn giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học. Thể hiện được kĩ năng, phẩm chất cá nhân và năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp nhằm đáp ứng với yêu cầu giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học. Thể hiện được năng lực giao tiếp, giải quyết các vấn đề hiệu quả trong hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai

và đánh giá được kết quả giáo dục đạo đức học sinh tiểu học đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1. Phân tích được kiến thức cơ bản về đạo đức học như: khái niệm, chức năng, cấu trúc của chuẩn mực đạo đức, đặc điểm một số giá trị đạo đức, kĩ năng sống, chuẩn mực hành vi pháp luật,...vào thực tiễn giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học.

2. Giải thích được những hiểu biết về chương trình giáo dục môn đạo đức ở cấp tiểu học: vai trò, vị trí, đặc điểm; quan điểm xây dựng chương trình; mục tiêu, yêu cầu cần đat; nội dung giáo dục; định hướng về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục đạo đức vào thực tiễn dạy học môn Đạo đức ở tiểu học.

3. Vận dụng được phương pháp, kĩ thuật dạy học, phương tiện, hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá vào thực tiễn dạy học môn Đạo đức ở tiểu học

4. Thể hiện được sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; thể hiện sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; thể hiện sự chia sẻ, lắng nghe và yêu thương học sinh.

5. Tổ chức và vận hành hiệu quả các nhóm làm việc trong các hoạt động dạy học môn Đạo đức.

6. Ứng dụng đa phương tiện trong dạy học môn Đạo đức;

7. Ứng dụng đa phương tiện trong dạy học môn Đạo đức;

8. Hình thành được ý tưởng trong thiết kế và tổ chức dạy học và đánh giá môn Đạo đức nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

9. Xây dựng môi trường giáo dục đạo đức đáp ứng yêu cầu đổi mới GD phổ thông

10. Thiết kế được kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy môn Đạo đức nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

11. Thực hiện được các hoạt động dạy học, đánh giá trong thực tiễn nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

12. Phát triển được các chương trình, kế hoạch và hoạt động dạy học môn Đạo đức trong thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

EDU30038. Phương pháp dạy học Tiếng Việt

1. Mô tả học phần

Phương pháp dạy học Tiếng Việt là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục tiểu học. Học phần giúp sinh viên có kiến thức, kĩ năng và các giá trị cần thiết để tổ chức hiệu quả các hoạt động dạy học Tiếng Việt cho học sinh tiểu học. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức lí luận chung về phương pháp dạy học Tiếng Việt và phương pháp dạy học các nội dung môn Tiếng Việt ở tiểu học. Học phần hướng đến việc hình thành và rèn luyện cho sinh viên kĩ năng: thiết kế mục tiêu, nội dung; lựa chọn và phối hợp linh hoạt các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học; thiết kế và sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học. Ngoài ra, HP còn giúp

sinh viên có ý thức tự trau dồi, rèn luyện những phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp thích ứng với môi trường văn hóa học đường và xã hội hiện đại.

2. Mục tiêu học phần

Học phần giúp sinh viên có hiểu biết nền tảng về lí luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt để vận dụng vào quá trình dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học; thể hiện được kĩ năng, phẩm chất cá nhân và năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp nhằm đáp ứng với yêu cầu giáo dục trong bối cảnh mới; thể hiện được năng lực giao tiếp, giải quyết các vấn đề hiệu quả trong hoạt động dạy học Tiếng Việt cho học sinh tiểu học. SV có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, đánh giá các hoạt động dạy học Tiếng Việt cho HSTH theo định hướng phát triển năng lực.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Lý giải được những vấn đề chung về *Phương pháp dạy học tiếng Việt* với tư cách là một ngành khoa học: đối tượng, vị trí, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, phương pháp nghiên cứu

2- Giải thích được vai trò, đặc điểm, mục tiêu và nội dung chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học

3- Phân tích được các cơ sở khoa học, nguyên tắc, phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học

4- Phân tích được phương pháp, hình thức, quy trình tổ chức dạy học các kiểu bài học môn Tiếng Việt ở TH theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

5- Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp khi thực hiện các nhiệm vụ của HP

6- Vận dụng được kiến thức lí luận dạy học Tiếng Việt vào quá trình *hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, đánh giá* các hoạt động dạy học Tiếng Việt cho HSTH theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực

EDU30048. Phương pháp dạy học Toán

1. Mô tả học phần

Trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, môn học *Phương pháp dạy học toán* được giảng dạy sau khi sinh viên đã học môn Toán học 1, Toán học 2, Tự chọn 2. Đây là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của ngành Giáo dục tiểu học. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học các nội dung trong môn Toán ở tiểu học: Vị trí mục tiêu, nhiệm vụ và cấu trúc nội dung môn Toán ở tiểu học; Giới thiệu một số phương pháp dạy học toán ở tiểu học; Lập kế hoạch dạy học; Nội dung phương pháp dạy học Số học và phép tính, hình học và đo lường, yếu tố thống kê và xác suất.

2. Mục tiêu học phần

1. SV có khả năng: Hiểu được cơ sở lý luận về bộ môn phương pháp dạy học toán ở tiểu học, nội dung môn Toán ở tiểu học, phương pháp dạy học toán ở tiểu học, lập kế hoạch dạy học; Biết giải quyết các nhiệm vụ nhận thức, thực hành, lựa chọn và vận dụng hợp lý hệ thống các phương pháp dạy học trong từng tiết dạy. Biết lập kế hoạch dạy học

môn Toán ở tiểu học; Nhận biết được sự cần thiết, ý nghĩa thiết thực của môn học, nuôi dưỡng tình yêu đối với nghề nghiệp trong tương lai. Có kỹ năng làm việc theo nhóm, có khả năng giao tiếp, thuyết trình để giải thích những vấn đề về dạy học môn Toán trong nhóm cũng như trước lớp và Phân tích, đánh giá được nội dung chương trình môn Toán ở tiểu học để từ đó hình thành ý tưởng và thực hiện tốt nhất phương án tổ chức dạy học các nội dung môn Toán trên các đối tượng học sinh khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Xác định được cơ sở lý luận của phương pháp dạy học toán ở tiểu học

2- Xác định được nội dung và phương pháp dạy học từng nội dung dạy học cụ thể trong môn Toán ở tiểu học

3- Phân tích được chương trình, sách giáo khoa môn Toán ở tiểu học

4- Phát huy được khả năng tự học, hứng thú và tinh thần trách nhiệm, tích cực tự giác trong dạy học môn Toán

5- Xác định được chiến lược, mục tiêu, kế hoạch dạy toán của nhà trường và của mỗi bài dạy toán phù hợp với thực tế đối tượng học sinh, trường, lớp

6- Triển khai được kế hoạch dạy học năm học, kế hoạch bài dạy Toán, các hoạt động dạy học toán trong và ngoài tiết học ở tiểu học

7- Đề xuất được những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở tiểu học

POL10002. Tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Mô tả học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

2. Mục tiêu học phần

SV có khả năng: Hiểu được các kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn; bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. SV rèn luyện được các kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Giải thích được nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh

2- Giải thích được định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực tiễn xây dựng đất nước.

3- Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

4- Rèn luyện được kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.

EDU30046. Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc

1. Mô tả học phần

Học phần Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính qui tiếp cận CDIO ngành Giáo dục tiểu học. Mã học phần EDU30046 số tín chỉ 4, trong đó gồm 2 tín chỉ lý thuyết, 2 tín chỉ thực hành. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận và kĩ năng thực hành âm nhạc cơ bản gồm: nhạc lý, xướng âm, kĩ thuật ca hát, cách sử dụng đàn phím điện tử, phương pháp dạy học âm nhạc. Từ đó hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá các hoạt động âm nhạc ở trường Tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

1Giúp SV: Phân tích được những vấn đề lí luận dạy học môn Âm nhạc: vị trí môn học; mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung dạy học môn Âm nhạc, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả dạy học môn Âm nhạc. Vận dụng được những hiểu biết về lí luận dạy học môn Âm nhạc vào thực tiễn; Thiết kế được nội dung tiết dạy âm nhạc ở trường Tiểu học; Có ý thức trong viêc tự học và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm của mình để làm tốt công tác dạy học môn Âm nhạc ở trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Áp dụng được kiến thức lí luận cốt lõi về phương pháp giáo dục, dạy học âm nhạc và đánh giá vào các hoạt động phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

2- Vận dụng được kiến thức thuộc lĩnh vực nghệ thuật và các chiến lược dạy học tương ứng để phát triển các phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học

3- Thể hiện kĩ năng tự học, khả năng quản lí thời gian và nguồn lực vào trong thực tiễn nghề nghiệp

4- Thể hiện được kĩ năng dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực

5- Thực hiện thành thạo các hình thức giao tiếp đa phương thức trong các hoạt động nghề nghiệp

6- Hình thành ý tưởng, thiết kế, Thực hiện và đánh giá được các hoạt động dạy học, giáo dục âm nhạc trong thực tiễn nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

EDU30098. Phương pháp dạy học Thể dục

1. Mô tả học phần

Học phần này giảng dạy ở học kì 7 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất phần chung. Mục đích của học phần nhằm giúp SV có kỹ năng về phương pháp giáo dục thể chất cho học sinh tại các trường tiểu học, chuẩn bị cho thực hành nghề nghiệp sau này.

Sau khi học môn học này, sinh viên sẽ có kĩ năng thành thạo trong việc phát triển thể

chất và tăng cường sức khỏe cho HSTH

2. Mục tiêu học phần

Giúp SV: Xác định được một số khái niệm cơ bản về GDTC, mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc chung của hệ thống GDTC; Nhận biết được đặc điểm tâm - sinh lý, các phương tiện và phương pháp sử dụng trong quá trình GDTC cho HSTH; Phân tích được yêu cầu các nguyên tắc về phương pháp GDTC cho HSTH và vận dụng được các kiến thức cơ bản để giảng dạy môn GDTC nhằm tăng cường sức khỏe và phát triển thể chất cho HSTH.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Xác định được một số khái niệm cơ bản về giáo dục thể chất

2- Xác định được mục đích, nhiệm vụ GDTC cho học sinh trong các trường tiểu học

3- Phân tích được đặc điểm tâm, sinh lý của học sinh tiểu học

4- Đánh giá được tác dụng của tập luyện TDTT đối với con người và học sinh tiểu học

5- Xác định được mục đích của các nguyên tắc chung của hệ thống giáo dục thể chất

6- Hiểu được ý nghĩa các nhân tố môi trường tự nhiên và điều kiện vệ sinh nhằm tăng cường sức khỏe cho HSTH

7- Lựa chọn phương tiện giáo dục thể chất phù hợp để phát triển thể chất và tăng cường sức khỏe cho HSTH

8- Áp dụng được các phương pháp GDTC phù hợp cho HSTH

9- Thực hiện được kỹ năng tổ chức dạy học thể dục ở trường tiểu học

10- Sử dụng được phương pháp tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả học tập thể dục của học sinh

EDU30049. Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội

1. Mô tả học phần

"Phương pháp dạy học Tự nhiên-Xã hội" là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính qui tiếp cận CDIO ngành Giáo dục tiểu học. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức về Tâm lí học và Giáo dục học tiểu học; Cơ sở Tự nhiên-Xã hội vào tổ chức hoạt động dạy học các môn về Tự nhiên và Xã hội cho học sinh tiểu học.

Học phần được tổ chức theo hình thức dự án, sinh viên chủ động, tích cực tìm hiểu về các cơ sở khoa học hiện đại trong tổ chức dạy học các môn về Tự nhiên-Xã hội, từ đó nghiên cứu ứng dụng các lí thuyết vào thực tiễn dạy học tại trường phổ thông; hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018 và các chương trình tiến tiến khác với yêu cầu chất lượng cao.

Học phần được thiết kế theo tiếp cận CDIO (Conceive, Design, Implement, Operate) của Trường Đại học Vinh, vì vậy, mục tiêu học phần hướng đến phát triển các

năng lực nghề nghiệp trong dạy học các môn về Tự nhiên-Xã hội cho người học gồm: Hình thành ý tưởng; Thiết kế; Thực hiện; Đánh giá.

Tham khảo: https://ocw.mit.edu/courses/biology/

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp người học đạt được:

Vận dụng hiểu biết về chương trình giáo dục các môn về Tự nhiên- Xã hội (Quan điểm xây dựng chương trình, đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, các mạch nội dung, thời lượng, định hướng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh); cơ sở khoa học về tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh (các kiểu chiến lược dạy học, bản chất- cách thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập học sinh….) vào thực tiễn tổ chức dạy học các môn Tự nhiên-Xã hội ở tiểu học; Thể hiện được kĩ năng, phẩm chất cá nhân và năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp nhằm đáp ứng với yêu cầu tổ chức các hoạt động dạy các môn về Tự nhiên-Xã hội đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018; Thể hiện được năng lực giao tiếp, giải quyết các vấn đề hiệu quả trong tổ chức dạy học các môn về TN-XH; đồng thời hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá được kết quả dạy học các môn về Tự nhiên- Xã hội cho học sinh tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDPT.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Vận dụng hiểu biết về chương trình giáo dục các môn về Tự nhiên- Xã hội (Quan điểm xây dựng chương trình, đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, các mạch nội dung, thời lượng, định hướng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh) vào thực tiễn dạy học các môn về TN-XH.

2- Vận dụng được cơ sở khoa học về Tự nhiên – Xã hội và tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh (các kiểu chiến lược dạy học, bản chất- cách thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập học sinh….) vào thực tiễn tổ chức dạy học các môn Tự nhiên-Xã hội ở tiểu học.

3- Thể hiện được sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; sự chia sẻ, lắng nghe và yêu thương học sinh.

4- Tổ chức và vận hành hiệu quả các nhóm làm việc trong dạy học các môn về Tự nhiên- Xã hội.

5- Ứng dụng đa phương tiện trong tổ chức dạy học các môn về Tự nhiên- Xã hội.

6- Có ý tưởng và thiết kế và tổ chức được kế hoạch dạy học các môn về Tự nhiên- Xã hội đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT.

EDU20010. Đánh giá trong giáo dục

3. Chuẩn đầu ra học phần

Tự chọn 3.

EDU31009. Công tác chủ nhiệm lớp và sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học

1. Mô tả học phần

"Công tác chủ nhiệm lớp và sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học" là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính qui tiếp cận CDIO ngành Giáo dục tiểu học. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức về tâm lí học và giáo dục học tiểu học vào tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học; phát triển kĩ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kĩ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả; phát triển năng lực đánh giá bối cảnh giáo dục tiểu học, hình thành ý tưởng, thiết kế và tổ chức và đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

Giúp SV: **c**ó hiểu biết nền tảng về lí luận và phương pháp tổ chức sinh hoạt chuyên môn và chủ nhiệm lớp để vận dụng những kiến thức này vào thực tiễn ở trưởng tiểu học; Thể hiện được kĩ năng, phẩm chất cá nhân và năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp nhằm đáp ứng với yêu cầu tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục cho học sinh tiểu học; Thể hiện được năng lực giao tiếp, giải quyết các vấn đề hiệu quả trong công tác sinh hoạt chuyên môn và chủ nhiệm lớp ở trường tiểu học. Đồng thời SV có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá được kết qủa của sinh hoạt chuyên môn và chủ nhiệm lớp ở trường tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Áp dụng được kiến thức cơ bản về sinh hoạt chuyên môn: khái niệm, nội dung, cách thức, các kĩ năng điều hành, thảo luận, chia sẻ trong sinh hoạt chuyên môn; phân loại và xây dựng các hồ sơ chuyên môn.....vào thực tiễn tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học.

2- Vận dụng được những kiến thức về tâm lí học và giáo dục học tiểu học vào các hoạt động chủ nhiệm lớp: chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu về năng lực, phẩm chất của giáo viên chủ nhiệm; nội dung, phương pháp giáo dục học sinh; các kĩ năng xử lí tính huống sư phạm....

3- Thể hiện được sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; sự chia sẻ, lắng nghe và yêu thương học sinh.

4- Tổ chức và vận hành hiệu quả các nhóm làm việc trong tổ chức sinh hoạt chuyên môn và công tác chủ nhiệm lớp.

5- Ứng dụng đa phương tiện trong tổ chức trong trong tổ chức sinh hoạt chuyên môn và công tác chủ nhiệm lớp.

6- Hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức thực hiện được kế hoạch sinh hoạt chuyên môn và chủ nhiệm lớp đáp ứng yêu cầu thực tiễn trường phổ thông.

EDU30094. Dạy học tích hợp trong Tự nhiên - xã hội

1. Mô tả học phần

"Dạy học tích hợp trong các môn về Tự nhiên- Xã hội" là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính qui tiếp cận CDIO ngành Giáo dục tiểu học. Học phần giúp sinh viên vận dụng lí thuyết của các môn cơ sở ngành, giáo dục học tiểu học và tâm lí học tiểu học để thực hành thiết kế, tổ

chức và đánh giá, điều chỉnh quá trình học tập của học sinh trong dạy học các môn về Tự nhiên – Xã hội theo hướng tích hợp nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh tiểu học.

Ngoài ra, học phần còn góp phần hình thành và phát triển kĩ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kĩ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả; phát triển năng lực đánh giá bối cảnh giáo dục tiểu học, hình thành ý tưởng, cải tiến, đổi mới chất lượng dạy học tiểu học nói chung và dạy học các môn về Tự nhiên-Xã hội nói riêng.

2. Mục tiêu học phần

SV có khả năng**:** Khái quát được những vấn đề cơ bản về lí luận dạy học tích hợp (Khái niệm, vai trò, đặc điểm, các nguyên tắc dạy học, mục tiêu, nội dung giáo dục, các con đường và cách thức tích hợp.....); Vận dụng được quy trình, các kĩ thuật dạy học cụ thể để thiết kế, tổ chức, đánh giá điều chỉnh quá trình dạy học các môn về Tự nhiên-Xã hội theo hướng tích hợp; Thể hiện được kĩ năng, phẩm chất cá nhân và năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp nhằm đáp ứng với yêu cầu tổ chức các hoạt động dạy các môn về Tự nhiên-Xã hội đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018; Thể hiện được năng lực giao tiếp, giải quyết các vấn đề hiệu quả trong tổ chức dạy học các môn về TN-XH theo hướng tích hợp; Thể hiện được ý tưởng mới để cải tiến, đổi mới trong dạy học các môn về TN-XH theo hướng tích hợp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Trình bày được một số vấn đề cơ bản về lí luận dạy học tích hợp: Khái niệm, vai trò, đặc điểm, các nguyên tắc dạy học, mục tiêu, nội dung giáo dục, các con đường và cách thức tích hợp.....

2- Vận dụng được quy trình tổ chức, kĩ thuật dạy học cụ thể vào dạy học các môn về Tự nhiên- Xã hội theo hướng tích hợp.

3- Thể hiện được sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; sự chia sẻ, lắng nghe và yêu thương học sinh.

4- Thể hiện ý tưởng mới trong cải tiến, đổi mới dạy học môn các môn về Tự nhiên-Xã hội theo hướng tích hợp.

5- Thiết kế được kế hoạch dạy học tích hợp trong dạy học các môn về Tự nhiên-Xã hội.

6- Tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học các môn về Tự nhiên-Xã hội thoe hướng tích hợp.

7- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong tổ chức dạy học các môn về Tự nhiên-Xã hội theo hướng tích hợp.

EDU30100. Dạy học Tự nhiên - xã hội bằng phương pháp Bàn tay nặn bột

1. Mô tả học phần

"Dạy học các môn về Tự nhiên- Xã hội bằng phương pháp bàn tay nặn bột" là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính qui tiếp cận CDIO ngành Giáo dục tiểu học. Học phần giúp sinh viên vận dụng

lí thuyết dạy học "Bàn tay nặn bột" (bản chất, tiến trình thực hiện, các kĩ thuật tổ chức lớp học....) để thực hành thiết kế, tổ chức và đánh giá, điều chỉnh quá trình học tập của học sinh trong dạy học các môn về Tự nhiên – Xã hội.

Ngoài ra, học phần còn góp phần hình thành và phát triển kĩ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kĩ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả; phát triển năng lực đánh giá bối cảnh giáo dục tiểu học, hình thành ý tưởng, cải tiến, đổi mới chất lượng dạy học tiểu học nói chung và dạy học các môn về Tự nhiên-Xã hội nói riêng.

2. Mục tiêu học phần

SV có khả năng**:** Khái quát được những vấn đề cơ bản về phương pháp "Bàn tay nặn bột" (Lịch sử ra đời, khái niệm, vai trò, đặc điểm, các nguyên tắc dạy học.....); Vận dụng được quy trình, các kĩ thuật dạy học cụ thể của phương pháp "Bàn tay nặn bột" trong thiết kế, tổ chức, đánh giá điều hỉnh quá trình dạy học các môn về Tự nhiên-Xã hội; Thể hiện được kĩ năng, phẩm chất cá nhân và năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp nhằm đáp ứng với yêu cầu tổ chức các hoạt động dạy các môn về Tự nhiên-Xã hội đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018; Thể hiện được năng lực giao tiếp, giải quyết các vấn đề hiệu quả trong tổ chức dạy học các môn về TN-XH bằng phương pháp "Bàn tay nặn bột"; Hình thành ý tưởng, cải tiến, đổi mới trong dạy học các môn về TN-XH bằng phương pháp "Bàn tay nặn bột".

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Trình bày được một số vần đề cơ bản về lí luận phương pháp "Bàn tay nặn bột": Lịch sử ra đời, khái niệm, bản chất, đặc điểm, nguyên tắc, quy trình, các kĩ thuật tổ chức dạy học cụ thể....

2- Vận dụng được quy trình tổ chức, kĩ thuật dạy học cụ thể vào dạy học các môn về Tự nhiên- Xã hội ở tiểu học bằng phương pháp "Bàn tay nặn bột"

3- Thể hiện được sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; sự chia sẻ, lắng nghe và yêu thương học sinh.

4- Tổ chức và vận hành hiệu quả các nhóm làm việc trong dạy học các môn về Tự nhiên-Xã hội bằng phương pháp "Bàn tay nặn bột".

5- Ứng dụng đa phương tiện trong dạy học các môn về Tự nhiên-Xã hội bằng phương pháp "Bàn tay nặn bột".

6- Hình thành ý tưởng, thiết kế và tổ chức được kế hoạch dạy học các môn về Tự nhiên-Xã hội bằng phương pháp "Bàn tay nặn bột".

EDU30095. Giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học

1. Mô tả học phần

Học phần *Giáo dục Môi trường cho học sinh Tiểu học* là học phần Tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm ngành Tiểu học và được phân kỳ ở học kỳ 7. Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về mối quan hệ giữa môi trường và con người, các vấn đề môi trường hiện tại và tương lai, giúp sinh viên xác định được những cơ hội

lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong chương trình giáo dục cho học sinh Tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

Học phần *Giáo dục Môi trường cho học sinh Tiểu học* hướng tới mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường, mối quan hệ giữa con người với môi trường, hoạt động của con người trong khai thác tài nguyên thiên nhiên, trách nhiệm của con người đối với môi trường thông qua giáo dục bảo vệ môi trường; Giúp sinh viên xác định được mục tiêu, nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong môn học; phương pháp và hình thức dạy học lồng ghép, tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong các môn học và hoạt động ngoài giờ lên lớp. Học phần cũng góp phần hình thành ở người học thái độ yêu quý, tôn trọng môi trường tự nhiên, trở thành một công dân có trách nhiệm đối với cộng đồng, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của quê hương, đất nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Nhận biết các vấn đề chung về môi trường như các thành phần của môi trường, mối quan hệ giữa con người và môi trường, các vấn đề môi trường trên thế giới, quốc gia và có thể liên hệ thực tiễn của địa phương

2- Thể hiện thái độ yêu quý, tôn trọng môi trường tự nhiên, trở thành một công dân có trách nhiệm đối với cộng đồng, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của quê hương, đất nước.

3- Sinh viên xác định được mục tiêu, nội dung giáo dục BVMT trong môn học; phương pháp và hình thức dạy học lồng ghép, tích hợp giáo dục BVMT trong các môn học và hoạt động ngoài giờ lên lớp.

4- Sinh viên có khả năng thuyết trình, trình bày ý tưởng, giao tiếp dưới nhiều hình thức

5- Lập kế hoạch, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hợp tác làm việc theo nhóm.

6- Vận dụng, phân tích, sáng tạo các nội dung giáo dục bảo vệ môi trường dưới hình thức tích hợp, lồng ghép trong các môn học ở CTGD cấp Tiểu học.

EDU30096. Giáo dục STEM ở tiểu học

1. Mô tả học phần

"**Giáo dục STEM ở tiểu học**" là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính qui tiếp cận CDIO ngành Giáo dục tiểu học. Học phần giúp sinh viên vận dụng lí thuyết dạy học "STEM" (bản chất, tiến trình thực hiện, các kĩ thuật tổ chức lớp học....) để thực hành thiết kế, tổ chức và đánh giá, điều chỉnh quá trình học tập của học sinh trong dạy học các môn Science (khoa học), Technology (công nghệ), Engineering (kỹ thuật) và Maths (toán học).

Ngoài ra, học phần còn góp phần hình thành và phát triển kĩ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kĩ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả; phát triển năng lực đánh

giá bối cảnh giáo dục tiểu học, hình thành ý tưởng, cải tiến, đổi mới chất lượng dạy học tiểu học nói chung và dạy học các môn học có ứng dụng "STEM" nói riêng.

2. Mục tiêu học phần

SV có khả năng: Khái quát được những vấn đề cơ bản về Giáo dục "STEM" (Lịch sử ra đời, khái niệm, vai trò, đặc điểm, các nguyên tắc dạy học.....); Vận dụng được quy trình, các kĩ thuật dạy học cụ thể của Giáo dục "STEM" trong thiết kế, tổ chức, đánh giá điều hỉnh quá trình dạy học các môn học có ứng dụng Giáo dục "STEM"; Thể hiện được kĩ năng, phẩm chất cá nhân và năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp nhằm đáp ứng với yêu cầu tổ chức các hoạt động dạy các môn học có ứng dụng Giáo dục "STEM" đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018; Thể hiện được năng lực giao tiếp, giải quyết các vấn đề hiệu quả trong tổ chức dạy học các môn có ứng dụng Giáo dục "STEM"; Hình thành ý tưởng, cải tiến, đổi mới trong dạy học các môn có ứng dụng Giáo dục "STEM".

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Trình bày được một số vần đề cơ bản về lí luận về Giáo dục "STEM": Lịch sử ra đời, khái niệm, bản chất, đặc điểm, nguyên tắc, quy trình, các kĩ thuật tổ chức dạy học cụ thể....

2- Vận dụng được quy trình tổ chức, kĩ thuật dạy học cụ thể vào dạy học các môn học có ứng dụng Giáo dục "STEM"

3- Thể hiện được sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; sự chia sẻ, lắng nghe và yêu thương học sinh.

4- Tổ chức và vận hành hiệu quả các nhóm làm việc trong dạy học các môn học có ứng dụng Giáo dục "STEM"

5- Sử dụng đa phương tiện trong dạy học các môn học có ứng dụng Giáo dục "STEM"

6- Hình thành ý tưởng, thiết kế và tổ chức được kế hoạch dạy học các môn học có ứng dụng Giáo dục "STEM"

EDU30097. Hoạt động Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh ở trường tiểu học

1. Mô tả học phần

"Hoạt động Đội TNTP HCM" là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính qui tiếp cận CDIO ngành Giáo dục tiểu học. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức về nghiệp vụ công tác Đội vào tổ chức các hoạt động cho thiếu nhi tại trường tiểu học; phát triển kĩ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kĩ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả; phát triển năng lực đánh giá bối cảnh giáo dục tiểu học, hình thành ý tưởng, thiết kế và tổ chức và đánh giá kết quả trong tổ chức hoạt động Đội TNTP HCM ở trưởng tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

SV có hiểu biết nền tảng về lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động Đội để vận dụng những kiến thức này vào thực tiễn ở trưởng tiểu học; Thể hiện được kĩ năng, phẩm chất cá nhân và năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp nhằm đáp ứng với yêu cầu tổ chức các hoạt động Đội TNTP ở tiểu học; Thể hiện được năng lực giao tiếp, giải quyết các vấn đề hiệu quả trong tổ chức hoạt động Đội TNTP ở trường tiểu học; Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá được kết qủa trong tổ chức hoạt động Đội TNTP ở trường tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Áp dụng được kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động Đội: khái niệm, mục đích, nhiệm vụ, tính chất, hệ thống tổ chức, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức Đội.....vào thực tiễn tổ chức các hoạt động Đội TNTP HCM ở trường tiểu học.

2- Vận dụng được những kiến thức về nghi thức Đội TNTP HCM và nghiệp vụ công tác thiếu nhi vào thực tiễn.

3- Thể hiện được sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; sự chia sẻ, lắng nghe và yêu thương học sinh.

4- Tổ chức và vận hành hiệu quả các nhóm làm việc trong tổ chức Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh.

5- Ứng dụng đa phương tiện trong tổ chức Công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh.

6- Hình thành ý tưởng, thiết kế và tổ chức được kế hoạch tổ chức các hoạt động Đội TNTP HCM đáp ứng yêu cầu thực tiễn trường phổ thông.

EDU31020. Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

1. Mô tả học phần

Học phần *Phương tiện kỹ thuật dạy học và Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học* là học phần tự chọn, được phân kỳ trong học kỳ 7 của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về một số loại phương tiện kĩ thuật dạy học và những phần mềm công nghệ ứng dụng phổ biến trong thực tiễn dạy và học hiện nay. Bên cạnh đó, học phần cũng góp phần phát triển năng lực nghề nghiệp, đặc biệt là năng lực công nghệ trong bối cảnh toàn cầu đang ở kỉ nguyên mới.

2. Mục tiêu học phần

Học phần *Phương tiện kỹ thuật dạy học và Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học* nhằm trang bị các kiến thức cơ bản về các phương tiện kĩ thuật dạy học và những phần mềm công nghệ ứng dụng phổ biến trong thực tiễn dạy và học hiện nay. Học phần cũng được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, góp phần hình thành và phát triển các năng lực công nghệ, năng lực vận dụng và sáng tạo cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Sử dụng ở mức độ cơ bản các phương tiện kỹ thuật phổ biến trong giáo dục như các loại máy chiếu, máy in, máy quét, thiết bị thu hình và thu thanh, thiết bị đầu ra hình ảnh và âm thanh.

2- Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng công nghệ để khai thác thông tin, thiết kế các tập tin đa phương tiện, xây dựng bài giảng điện tử, dạy học trực tuyến

3- Thích ứng với sự thay đổi và phát triển của công nghệ đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục

4- Thuyết trình, trình bày ý tưởng, giao tiếp dưới nhiều hình thức

5- Lập kế hoạch, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hợp tác làm việc theo nhóm.

6- Hình thành được ý tưởng trong thực tiễn dạy học, giáo dục và đánh giá nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, đáp ứng được xu thế, bối cảnh của giáo dục hiện đại

EDU30066. Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật

1. Mô tả học phần

Mĩ thuật và phương pháp dạy học mĩ thuật là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần này cung cấp cho sinh viên gồm hai khối kiến thức và kĩ năng cơ bản về mĩ thuật (thường thức mỹ thuật,luật xa gần, giải phẫu tạo hình, hình họa, đồ họa, điêu khắc) và PPDH (mục tiêu, cấu trúc nội dung chương trình, phương pháp chung và phương pháp dạy học các phân môn)

2. Mục tiêu học phần

SV có kiến thức về lí luận và phương pháp giáo dục Mĩ thuật để vận dụng những kiến thức này vào quá trình dạy học môn Mĩ thuật cho HSTH; Nhận biết, phân tích được các vấn đề về lý luận và thực tiễn của môn học. Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng tạo ra các sản phẩm; Có kĩ năng làm việc nhóm hiệu quả; biết giao tiếp và ứng xử phù hợp với học sinh, phụ huynh, đồng nghiệp. Có lối sống lành mạnh; trung thực, cầu tiến, có trách nhiệm, không ngại khó khăn, sáng tạo, đam mê với nghề; Đánh giá, giải quyết được các tình huống xảy ra trong dạy học. Vận dụng các kiến thức, kĩ năng về Mĩ thuật vào quá trình tạo ra sản phẩm và đánh giá, thẩm định được sản phẩm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Giải thích được khái niệm và các kiến thức cơ bản về MT, ngôn ngữ MT, vai trò của MT và đời sống con người; Lược sử MT, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của MT Việt Nam, Thế giới và tranh dân gian Việt Nam

2- Trình bày được các kiến thức cơ bản của luật xa gần, giải phẫu tạo hình và ứng dụng của nó vào vẽ hình hoạ và vẽ tranh.

3- Trình bày, phân tích được khái niệm về hình họa, chất liệu, phương pháp vẽ hình họa.

4- Trình bày, phân tích được khái niệm về hội họa, nguyên vật liệu và phương pháp vẽ tranh, chép tranh

5- Trình bày, phân tích được khái niệm về điêu khắc, nguyên vật liệu, phương pháp nặn tạo dáng

6- Trình bày, giải thích được các mục tiêu, cấu trúc, nội dung chương trình MT và phương pháp tổ chức dạy học MT

7- Áp dụng được các vấn đề lý thuyết về Luật xa gần - Giải phẩu tạo hình và hình họa vào vẽ hình.

8- *Áp dụng* được các vấn đề lý thuyết về hình họa để vẽ tranh và chép tranh

9- *Áp dụng* được các vấn đề lý thuyết về Đồ hoạ - trang trí để làm bài tập thực hành trang trí.

10- *Phân tích, áp dụng* được các vấn đề lý thuyết về Hội hoạ vào vẽ tranh và chép tranh.

11- *Phân tích, áp dụng* được các vấn đề lý thuyết về điêu khắc vào thực hành sáng tạo ra sản phẩm

12- *Phân tích, áp dụng* được được các mục tiêu, cấu trúc nội dung chương trình MT và các phương pháp vào tổ chức dạy học MT ở tiểu học.

EDU31068. Phát triển chương trình giáo dục

1. Mô tả học phần

Phát triển chương trình Giáo dục tiểu học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục tiểu học. Nội dung của học phần bao gồm những tri thức cơ bản mang tính phương pháp luận về xây dựng và phát triển chương trình GDTH/ chương trình các môn học trên các mặt: mục tiêu, quan điểm, cách tiếp cận, phương pháp, mô hình, đổi mới chương trình, quy trình phát triển chương trình GDTH, đánh giá chương trình GDTH.

2. Mục tiêu học phần

Giúp SV: Tổng hợp kiến thức về chương trình và phát triển chương trình GDPT nói chung và GDTH nói riêng; Khả năng hình thành và vận dụng tri thức mới để phân tích, so sánh, đánh giá các loại hình chương trình GDPT/GDTH trong và ngoài nước trong bối cảnh hiện nay; Thể hiện kỹ năng phân tích, giải thích và khái quát hóa các vấn đề về chương trình và phát triển chương trình GDPT/ GDTH; *Đánh giá* tính hiệu quả, tính khả thi, tính phù hợp của CT GDTH trong quá trình dạy học các môn học ở TH.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Giải thích được các khái niệm cơ bản về chương trình, CTGDNT, phát triển CTGD

2- Mô tả được các thành tố và các loại CTGD về mục tiêu, đặc điểm, ưu/nhược điểm.

3- Phân tích được các đặc điểm của CTGDNT; các nguyên tắc, các hoạt động phát triển CTGDNT, quy trình phát triển CTGDNT

4- Phân tích, đánh giá được chương trình GDPT tổng thể và CT môn học 2018 (cấp tiểu học)

5- Phát hiện và giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo trong các tình huống của quá trình thực hiện nội dung học phần

6- Phối hợp, làm việc nhóm khi thực hiện các nội dung bài tập, thảo luận

7- Hình thành ý tưởng, Thiết kế, Thực hiện và Đánh giá được kế hoạch CTGD nhà trường, CTGD môn học, Kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh. Xây dựng được Kế hoạch giáo dục cá nhân trong năm học.

EDU30099. Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ

1. Mô tả học phần

Học phần *Phương tiện kỹ thuật dạy học và Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học* là học phần tự chọn, được phân kỳ trong học kỳ 7 của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về một số loại phương tiện kĩ thuật dạy học và những phần mềm công nghệ ứng dụng phổ biến trong thực tiễn dạy và học hiện nay. Bên cạnh đó, học phần cũng góp phần phát triển năng lực nghề nghiệp, đặc biệt là năng lực công nghệ trong bối cảnh toàn cầu đang ở kỉ nguyên mới.

2. Mục tiêu học phần

Học phần *Phương tiện kỹ thuật dạy học và Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học* nhằm trang bị các kiến thức cơ bản về các phương tiện kĩ thuật dạy học và những phần mềm công nghệ ứng dụng phổ biến trong thực tiễn dạy và học hiện nay. Học phần cũng được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, góp phần hình thành và phát triển các năng lực công nghệ, năng lực vận dụng và sáng tạo cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Có khả năng sử dụng ở mức độ cơ bản các phương tiện kỹ thuật phổ biến trong giáo dục như các loại máy chiếu, máy in, máy quét, thiết bị thu hình và thu thanh, thiết bị đầu ra hình ảnh và âm thanh.

2- Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng công nghệ để khai thác thông tin, thiết kế các tập tin đa phương tiện, xây dựng bài giảng điện tử, dạy học trực tuyến

3- Có khả năng thích ứng với sự thay đổi và phát triển của công nghệ đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục

4- Sinh viên có khả năng thuyết trình, trình bày ý tưởng, giao tiếp dưới nhiều hình thức

5- Sinh viên có khả năng lập kế hoạch, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hợp tác làm việc theo nhóm.

6- Sinh viên có khả năng hình thành được ý tưởng trong thực tiễn dạy học, giáo dục và đánh giá nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, đáp ứng được xu thế, bối cảnh của giáo dục hiện đại

EDU31052. Quản lý cơ sở giáo dục

3. Chuẩn đầu ra học phần

EDU32045. Tổ chức hoạt động trải nghiệm

1. Mô tả học phần

"Tổ chức Hoạt động trải nghiệm" là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính qui tiếp cận CDIO ngành Giáo dục tiểu học. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức về tâm lí học và giáo dục học tiểu học vào tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học; phát triển kĩ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kĩ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả; phát triển năng lực đánh giá bối cảnh giáo dục tiểu học, hình thành ý tưởng, thiết kế và tổ chức và đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Giúp sinh viên có hiểu biết nền tảng về lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm để vận dụng những kiến thức này vào thực tiễn tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh tiểu học. Thể hiện được kĩ năng, phẩm chất cá nhân và năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp nhằm đáp ứng với yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh tiểu học. Thể hiện được năng lực giao tiếp, giải quyết các vấn đề hiệu quả trong tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho học sinh tiểu học. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá được kết quả tổ chức Hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Áp dụng được kiến thức cơ bản về trải nghiệm, giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm như: khái niệm, bản chất, điều kiện, các loại hình, chu trình trải nghiệm, cách thức tổ chức.....vào thực tiễn tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh tiểu học.

2- Vận dụng được những hiểu biết về chương trình Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học: vai trò, vị trí, đặc điểm; quan điểm xây dựng chương trình; mục tiêu, yêu cầu cần đạt; nội dung giáo dục; định hướng về phương pháp, hình thức tổ chức và kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục vào thực tiễn tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

3- Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm: các loại hình hoạt động, phương thức tổ chức hoạt động, phương tiện, kĩ thuật tổ chức hoạt động, cách thức kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục học sinh….vào thực tiễn tổ chức các loại hình hoạt động trải nghiệm.

4- Thể hiện được sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; sự chia sẻ, lắng nghe và yêu thương học sinh.

5- Tổ chức và vận hành hiệu quả các nhóm làm việc trong tổ chức HĐTN ở tiểu học

6- Ứng dụng đa phương tiện trong tổ chức HĐTN.

7- Có ý tưởng và thiết kế và tổ chức được kế hoạch tổ chức Hoạt động trải nghiệm đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT và thực tiễn cuộc sống, phù hợp với đối tượng học sinh.

Tự chọn 4

EDU30111. Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt

1. Mô tả học phần

Kiến thức và kỹ năng mà môn học này đem lại gắn liền với một nhiệm vụ quan trọng của người giáo viên tiểu học là phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Nội dung môn học này bao gồm các vấn đề chính sau:

- Khái quát về bồi dưỡng bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt
- Bồi dưỡng vốn sống và hứng thú học tập Tiếng Việt
- Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng Tiếng Việt
- Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học và năng khiếu làm văn

2. Mục tiêu học phần

SV xác định được căn cứ, cơ sở khoa học của việc bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt, có hiểu biết về nội dung và phương pháp bồi dưỡng học sinh giỏi môn Tiếng Việt ở tiểu học; Vận dụng các kiến thức nói trên vào việc phát hiện học sinh có năng khiếu về tiếng Việt, sử dụng được các biện pháp bồi dưỡng hứng thú và vốn sống, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng tiếng Việt, xây dựng được các bài tập nâng cao, các đề thi học sinh giỏi Tiếng Việt; Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bồi dưỡng năng khiếu và hứng thú học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Khái quát về bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt: *Ý nghĩa và sự cần thiết của việc bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt, Những định hướng của việc bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt*

2- Bồi dưỡng hứng thú học tập và vốn sống cho học sinh giỏi Tiếng Việt

3- Bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng tiếng Việt cho học sinh giỏi

1- 4- Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá được các hoạt động bồi dưỡng HS giỏi của sinh viên.

EDU31046. Bồi dưỡng năng lực âm nhạc cho học sinh

1. Mô tả học phần

Học phần "Bồi dưỡng năng lực âm nhạc cho học sinh" là môn học tự chọn trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính qui tiếp cận CDIO ngành Giáo dục tiểu học. Mã học phần ? số tín chỉ 2, trong đó gồm 15 tiết lý thuyết, 15 tiết thực hành. Học phần nhằm bồi dưỡng cho sinh viên những kiến thức lý luận và kĩ năng thực hành âm nhạc cơ bản gồm: lý luận âm nhạc, xướng âm, kĩ thuật ca hát. Từ đó hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá các hoạt động âm nhạc ở trường Tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

Giúp SV: Phân tích được những vấn đề cơ bản về lý thuyết âm nhạc; Vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực hành có hiệu quả; Có ý thức trong viêc tự học và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm của mình để làm tốt công tác dạy học môn Âm nhạc ở trường Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Vận dụng được kiến thức lí thuyết, kĩ năng thực hành âm nhạc vào các hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh tiểu học

2- Vận dụng được kiến thức thuộc lĩnh vực nghệ thuật và các chiến lược dạy học tương ứng để phát triển các phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học

3- Thể hiện những phẩm chất và năng lực cá nhân gồm: Khả năng kiên trì và linh hoạt; tư duy sáng tạo; khả năng tự nhận thức và tự học; năng lực quản lí thời gian và nguồn lực

4- Thể hiện khả năng thiết kế/lập kế hoạch trong thực tiễn hoạt động phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học

5- Thể hiện hiệu quả thực hiện các hoạt động trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học

EDU31066. Bồi dưỡng năng lực mỹ thuật cho học sinh

1. Mô tả học phần

Học phần "Bồi dưỡng năng lực mĩ thuật cho học sinh" là môn học tự chọn trong khung chương trình đào tạo hệ đại học chính qui tiếp cận CDIO ngành Giáo dục tiểu học. Mã học phần ? số tín chỉ 2, trong đó gồm 15 tiết lý thuyết, 15 tiết thực hành. Học phần nhằm bồi dưỡng cho sinh viên những kiến thức lý luận và kĩ năng thực hành mĩ thuật cơ bản. Từ đó hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá các hoạt động mĩ thuật ở trường Tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

HP này giúp SV: Phân tích được những vấn đề cơ bản về lý thuyết mĩ thuật; Vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực hành có hiệu quả; Phân tích được những vấn đề lí luận dạy học mônmĩ thuật: vị trí môn học; mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung dạy học môn Mĩ thuật, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả dạy học môn Mĩ thuật. Vận dụng được những kĩ năng thực hành vào vào thực tiễn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Giải thích được khái niệm về năng lực mĩ thuật, đặc trưng năng lực mĩ thuật của học sinh lứa tuổi tiểu học, mục đích của bồi dưỡng năng lực mĩ thuật cho HSTH

2- Phân tích được nội dung bồi dưỡng năng lực mĩ thuật

3- Hệ thống hóa được các phương pháp bồi dưỡng năng lực mĩ thuật

4- Lí giải được được một số yêu cầu về bồi dưỡng năng lực mĩ thuật

5- Vận dụng được quy trình thiết kế bài tập bồi dưỡng năng lực mĩ thuật vào xây dựng hệ thống bài tập bồi dưỡng năng lực mĩ thuật cho HS

6- Phát triển tư duy hình tượng nghệ thuật, tư duy logic khoa học, tư duy phản biện, sáng tạo trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập

7- Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá được các hoạt động bồi dưỡng năng lực mĩ thuật cho HSTH

EDU31007. Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh

1. Mô tả học phần

Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho họ sinh là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục tiểu học. HP này cung cấp những kiến thức về cơ sở khoa học của việc bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho SV ngành GDTH: khái niệm cảm thụ văn học và tầm quan trọng của cảm thụ văn học, cảm thụ văn học và đặc trưng của cảm thụ văn học, nội dung cảm thụ văn học trong môn Tiếng Việt ở tiểu học. Đồng thời HP còn rèn luyện cho SV những kỹ năng cần thiết về thực hành bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học, xây dựng bài tập cảm thụ văn học, hướng dẫn thực hiện bài tập, hình thành các thao tác văn chương cho SV.

2. Mục tiêu học phần

SV có khả năng: Phân tích và giải thích được những vấn đề lí luận về bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho HSTH; Thể hiện được kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm thành thạo; Thể hiện sự sáng tạo và linh hoạt trong hoạt động bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học; Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá được các hoạt động bồi dưỡng năng lực CTVH cho HSTH.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1. Giải thích được khái niệm cảm thụ văn học, đặc trưng cảm thụ văn học của học sinh lứa tuổi tiểu học, mục đích bồi dưỡng năng lực CTVH

2- Phân tích được nội dung bồi dưỡng năng lực CTVH

3- Hệ thống hóa được các phương pháp bồi dưỡng năng lực CTVH

4- Lí giải được được một số yêu cầu về bồi dưỡng năng lực CTVH

5- Vận dụng được quy trình thiết kế bài tập bồi dưỡng năng lực CTVH vào xây dựng hệ thống bài tập bồi dưỡng năng lực CTVH cho HS

6- Phát triển tư duy hình tượng nghệ thuật, tư duy logic khoa học, tư duy phản biện, sáng tạo trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập

7- Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá được các hoạt động bồi dưỡng năng lực CTVH cho HSTH

EDU31026. Thực hành giải bài tập Tiếng Việt

1. Mô tả học phần

Học phần này được giảng dạy ở học kì 7 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học, sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, văn học và phương pháp DH Tiếng Việt ở tiểu học. Mục đích của học phần nhằm giúp SV có kỹ năng thực hành giải bài tập tiếng Việt, từ đó chuẩn bị cho thực hành nghề nghiệp sau này.

Sau khi học môn học này, sinh viên sẽ có khả năng hình thành ý tưởng - thiết kế - tổ chức thực hiện và đánh giá được các hoạt động thực hành giải tiếng Việt cho HS cấp tiểu học.

2. Mục tiêu môn học

Học phần *Thực hành giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học* là chuyên đề thuộc học phần

Tự chọn 4, đóng vai trò rất quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học. Sinh viên ứng dụng kiến thức từ các học phần *Phương pháp dạy học tiếng Việt* và các học phần *Tiếng Việt, Văn học thiếu nhi*. Từ đó, nâng cao năng lực giải bài tập, hướng dẫn học sinh *(HS)* giải bài tập cũng như xây dựng bài tập sử dụng trong dạy học ở tiểu học. Học phần bao gồm những nội dung chính sau:

- Những vấn đề chung về bài tập và bài tập tiếng Việt
- Thực hành giải bài tập và hướng dẫn học sinh tiểu học giải bài tập tiếng Việt
- Xây dựng bài tập tiếng Việt ở tiểu học

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Giải thích được các khái niệm về bài tập, bài tập Tiếng Việt; vai trò, đặc điểm của bài tập trong dạy học Tiếng Việt

2- Phân loại được hệ thống bài tập Tiếng Việt trong chương trình tiểu học

3- Giải thích được qui trình giải bài tập và cách thức tổ chức cho HS giải bài tập Tiếng Việt.

4- Giải thích được cơ sở xây dựng và đánh giá bài tập Tiếng Việt tiểu học.

5- Đề xuất được cách thức xây dựng bài tập Tiếng Việt tiểu học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

6- Tổ chức được hoạt động giải bài tập và đánh giá được kết quả giải bài tập Tiếng Việt của học sinh.

7- Lãnh đạo được nhóm nhỏ nhằm thực hiện các yêu cầu nâng cao năng lực thực hành giải bài tập Tiếng Việt phục vụ dạy học ở trường Tiểu học.

8- Lãnh đạo được nhóm nhỏ nhằm thực hiện các yêu cầu nâng cao năng lực thực hành giải bài tập Tiếng Việt phục vụ dạy học ở trường Tiểu học.

9- Tổ chức được các hoạt động dạy học giải bài tập (hệ thống bài tập) tiếng Việt ở tiểu học phù hợp với yêu cầu cụ thể của chương trình giáo dục ở Tiểu học.

EDU32026. Thực hành giải bài tập Toán

1. Mô tả học phần

Học phần này được giảng dạy ở học kì 7 trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học, sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về toán học, PPDH Toán ở tiểu học. Mục đích của học phần nhằm giúp SV có kỹ năng thực hành giải bài tập toán, từ đó chuẩn bị cho thực hành nghề nghiệp sau này.

Sau khi học môn học này, sinh viên sẽ có khả năng hình thành ý tưởng - thiết kế - tổ chức thực hiện và đánh giá được các hoạt động thực hành giải toán cho HS cấp tiểu học.

2. Mục tiêu môn học

Học phần *Thực hành giải bài tập Toán ở tiểu học* là chuyên đề thuộc học phần Tự chọn 3, đóng vai trò rất quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học. Sinh viên ứng dụng kiến thức từ các học phần *Phương pháp dạy học Toán* và các học phần *Toán học 1, Toán học 2* để rèn luyện kĩ năng thiết kế và giải bài tập Toán ở tiểu học. Từ

đó, nâng cao năng lực giải bài tập, hướng dẫn học sinh *(HS)* giải bài tập cũng như xây dựng bài tập sử dụng trong dạy học ở tiểu học. Học phần bao gồm những nội dung chính sau:

- Một số vấn đề chung về bài tập toán và đặc điểm của bài tập toán ở Tiểu học;
- Thực hành giải bài tập và hướng dẫn học sinh tiểu học giải bài tập toán;
- Thiết kế bài tập toán ở tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Giải thích được các khái niệm về bài tập, bài tập toán; vai trò, đặc điểm của bài tập trong dạy học Toán

2- Phân loại được hệ thống bài tập toán trong chương trình tiểu học

3- Giải thích được qui trình giải bài tập và cách thức tổ chức cho HS giải bài tập toán.

4- Giải thích được cơ sở xây dựng và đánh giá bài tập toán tiểu học.

5- Đề xuất được cách thức xây dựng bài tập toán tiểu học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

6- Tổ chức được hoạt động giải bài tập và đánh giá được kết quả giải bài tập toán của học sinh.

7- Lãnh đạo được nhóm nhỏ nhằm thực hiện các yêu cầu nâng cao năng lực thực hành giải bài tập toán phục vụ dạy học ở trường Tiểu học.

8- Lãnh đạo được nhóm nhỏ nhằm thực hiện các yêu cầu nâng cao năng lực thực hành giải bài tập toán phục vụ dạy học ở trường Tiểu học.

9- Tổ chức được các hoạt động dạy học giải bài tập (hệ thống bài tập) Toán ở tiểu học phù hợp với yêu cầu cụ thể của chương trình giáo dục ở Tiểu học.

EDU31003. Thực hành giải toán tư duy cho học sinh

3. Chuẩn đầu ra học phần

EDU30088: Thực tập sư phạm và Đồ án tốt nghiệp

1. Mô tả học phần

Học phần ***Thực tập và đồ án tốt nghiệp*** thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục tiểu học ở phân kỳ 8, gồm 2 phần: Thực tập sư phạm ở trường phổ thông và Đồ án tốt nghiệp.

Phần 1: Thực tập sư phạm (TTSP) có khối lượng kiến thức là 5 tín chỉ, thực hiện trong thời gian 8 tuần học ở tại trường tiểu học tương ứng với các ngành đào tạo giáo viên. SV thực hành các kĩ năng nghề nghiệp theo "nhóm thực tập giảng dạy" gồm các sinh viên thuộc cùng một ngành đào tạo và "nhóm thực tập chủ nhiệm" gồm các sinh viên thực tập ở cùng một lớp phổ thông. Trong suốt thời gian thực tập SV là thành viên của trường tiểu học, chịu sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên phổ thông và sự quản lý toàn diện của Ban Chỉ đạo TTSP nhà trường.

Phần 2: Đồ án tốt nghiệp được thực hiện trong thời gian SV đi thực tập ở trường phổ thông với khối lượng học tập tương ứng 3 tín chỉ. SV được quyền đăng kí thực hiện đồ án tốt nghiệp theo nhóm hoặc cá nhân với sản phẩm là một công trình khoa học thể

hiện năng lực nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục tiểu học hoặc các vấn đề thể hiện năng lực thiết kế, triển khai vận hành kế hoạch giáo dục, dạy học các môn học/hoạt động giáo dục ở tiểu học.

2. Mục tiêu học phần

Học phần Thực tập và đồ án tốt nghiệp giúp sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng và phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp trong thực tiễn phổ thông, đáp ứng các chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Giao dục tiểu học. Sinh viên thể hiện năng lực phân tích bối cảnh, hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học môn học ở trường tiểu học và năng lực nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

1- Vận dụng kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề trong thực tiễn dạy học, nghiên cứu ngành GDTH ở trường phổ thông

2- Sử dụng thành thạo các kỹ năng dạy học, giáo dục trong quá trình thực hành nghề nghiệp ở phổ thông

3- Thể hiện được tác phong, đạo đức nhà giáo thông qua các hoạt động dạy học và giáo dục

4- Thể hiện tính trung thực, chuyên nghiệp trong hoạt động giáo dục, dạy học các môn học, tổ chức HĐGD và nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngành GDTH.

5- Thực hiện được kĩ năng giao tiếp và hợp tác với học sinh, giáo viên phổ thông trong quá trình thực hành nghề nghiệp

6- Thực hiện được giao tiếp đa phương thức trong thực hiện nghiên cứu các vấn đề dạy học, giáo dục

7- Phân tích được bối cảnh nhà trường, thực tế hoạt động dạy học và giáo dục HS, phát hiện ra các vấn đề mâu thuẫn cần giải quyết trong dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.

8- Phát biểu được các ý tưởng nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông

9- Thiết kế được kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch giáo dục và các giải pháp giải quyết vấn đề trong chuyên ngành Giáo dục tiểu học.

10- Triển khai được kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch giáo dục trong thực tế phổ thông và các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dạy học chuyên ngành Giáo dục tiểu học.

11- Thực hiện được các biện pháp cải tiến kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch giáo dục trong thực hành nghề nghiệp và trong báo cáo kết quả nghiên cứu.

PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình giáo dục đại học ngành GDTH được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quy định số 2294/ĐT ngày 02 tháng 11 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại họcVinh cụ thể hoá một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Công văn 9404/BGDĐT-GDĐH và Bảng tổng hợp kết quả rà soát của Bộ Giáo dụcvà Đào tạo các chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh.

- Kế hoạch số 1610/ĐHV-ĐT ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đạihọc Vinh về việc điều chỉnh chương trình đào tạo đại học hệ chính quy.

- Quyết định số 132/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kếtthúc học phần tại Trường Đại học Vinh.

- Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng TrườngĐại học Vinh về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ.

Chương trình khung trình bày tóm tắt những kiến thức và kỹ năng cơ bản để đào tạo ngành GDTH với thời lượng 4 năm.

- Trên cơ sở khung chương trình, bộ môn phân công cán bộ giảng dạy biên soạn đề cương chi tiết học phần, tiến tới biên soạn bài giảng, giáo trình học phần. Bộ môn phải theosát nội dung chương trình để thực hiện các học phần theo trình tự đã được hội đồng khoa học thông qua.

- Hàng năm Hội đồng Khoa học - Đào tạo sẽ đề nghị Hiệu trưởng điều chỉnh, bổ sungchương trình cho phù hợp với điều kiện, mục tiêu đào tạo. Sự điều chỉnh chương trình hàngnăm chiếm tỷ trọng tối đa là 20%;

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

5.1. Đối với khoa Giáo dục tiểu học

- Phải nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần;

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiệntốt chương trình;

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

5.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phảinghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phươngtiện đồ dùng dạy học phù hợp;
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp;
- Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, bài tập lớn, giảng viên xác định các phương pháp truyềnthụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫnsinh viên viết thu hoạch.

5.3. Kiểm tra, đánh giá

- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà;
- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theođúng theo quy chế của học chế tín chỉ;
- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

5.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợpvới tiến độ;
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng;
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên;
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theonhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar;
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụcho việc tự học, tự nghiên cứu;
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Bảng A1. Rubric 1 - tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	**B (7.0-8.4)**	**C (5.5-6.9)**	**D (4.0-5.4)**	**F (0-3.9)**	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học ~7% so với quy định (1-2 tiết/30tiết)	Vắng học ~14% so với quy định (3-4 tiết)	Vắng học ~20% so với quy định (5-6 tiết)	Vắng học quá 20% số giờ theo quy định	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (>=N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75%N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50%N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25%N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)	- Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) - Nạp bài tập đúng hạn	- Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) - Nạp bài tập không đúng hạn	- Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài) - Nạp bài tập đúng hạn	- Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài) - Nạp bài tập không đúng hạn	Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*)	15%

Bảng A2. Rubric 2 - tiêu chí đánh giá ý thức làm việc tại cơ sở Trường TH

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	**B (7.0-8.4)**	**C (5.5-6.9)**	**D (4.0-5.4)**	**F (0-3.9)**	
Tham gia các hoạt động tại trường TH	Tham gia đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học ~7% so với quy định	Vắng học ~14% so với quy định	Vắng học ~20% so với quy định	Vắng học quá 20% số giờ theo quy định	50%

Đi làm đúng giờ	Luôn đến địa điểm thực tập đúng giờ	Đến địa điểm thực tập muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Đến địa điểm thực tập muộn 3-4 buổi	Đến địa điểm thực tập muộn 5-6 buổi	Đến địa điểm thực tập muộn >6 buổi	20%
Có ý thức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao	Luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao	Hoàn thành ~80% nhiệm vụ được giao	Hoàn thành ~60% nhiệm vụ được giao	Hoàn thành ~40% nhiệm vụ được giao	Hoàn thành <20% nhiệm vụ được giao	30%

Bảng A3. Rubric 3 - tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đánh giá**					**Trọng số**
	A (8.5-10)	**B (7.0-8.4)**	**C (5.5-6.9)**	**D (4.0-5.4)**	**F (0-3.9)**	
Tổ chức nhóm	Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tốt	Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác giữa các thành viên chưa cao	Mỗi thành viên được phân chia công việc nhưng không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa thành viên nhóm	Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành viên trong nhóm	Không có hoạt động nhóm	40%
Thảo luận nhóm	- Thu thập và đưa ra nhiều tài liệu liên quan đề tài - Đưa ra những ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài	- Thu thập thông tin cơ bản về đề tài - Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài	- Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài	- Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm	- Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm	30%
Hợp tác nhóm	- Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm	- Thường lắng nghe, chia sẻ trong nhóm	- Có 3-4 lần tham gia thảo luận nhóm và bình luận	Có 1-2 lần tham gia thảo luận nhóm và bình luận	- Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm	30%

Bảng A4. Rubric 4 - tiêu chí đánh giá kiểm tra/thi thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	**B (7.0-8.4)**	**C (5.5-6.9)**	**D (4.0-5.4)**	**F (0-3.9)**	
Tính đúng đắn	- Chương trình cho kết quả chính xác cho tất cả các tập dữ liệu đầu vào (3 tập đầu vào)	- Chương trình cho kết quả chính xác với hầu hết tập dữ liệu đầu vào (2 trong 3 tập đầu vào)	- Chương trình cho kết quả chính xác với một vài tập dữ liệu đầu vào (1 trong 3 tập đầu vào)	- Chương trình cho kết quả sai với tất cả tập dữ liệu đầu vào	Chương trình chưa hoàn chỉnh (trên 50%)	50%
Tính đầy đủ và rõ ràng	- Chương trình chạy - Định dạng, căn thụt lề phù hợp	- Chương trình chạy - Định dạng, căn thụt lề một số vị trí chưa phù hợp	- Viết xong chương trình nhưng bị một vài lỗi cú pháp (thiếu chấm phẩy, ngoặc,…) - Định dạng, căn thụt lề một số vị trí chưa phù hợp	- Viết xong chương trình nhưng còn nhiều lỗi sai khi dùng từ khóa và cú pháp - Định dạng, căn thụt lề nhiều vị trí chưa phù hợp	- Chương trình chưa hoàn chỉnh (trên 50%)	30%
Tính module	- Chương trình được chia thành các chương trình con, các lớp phù hợp	- Chương trình được chia thành các chương trình con, các lớp nhưng chưa hợp lý	- Chương trình không chia thành các chương trình con, các lớp	- Chương trình chưa hoàn chỉnh nhưng được thiết kế thành nhiều chương trình con	- Chương trình chưa hoàn chỉnh và không chia thành các chương trình con	20%

Bảng A5. Rubric 5 - tiêu chí đánh giá viết báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	**B (7.0-8.4)**	**C (5.5-6.9)**	**D (4.0-5.4)**	**F (0-3.9)**	
Xác định vấn đề	- Xác định vấn đề nghiên cứu rõ ràng	- Xác định vấn đề nghiên cứu khá tốt	- Xác định vấn đề nghiên cứu tạm được	- Xác định cơ bản vấn đề nghiên cứu	Xác định vấn đề nghiên cứu yếu	15%

Đề xuất giải pháp	- Lập luận, phân tích tốt - Thiết kế hệ thống sát với phân tích	- Lập luận, phân tích tốt - Thiết kế hệ thống giải pháp khá tốt	- Lập luận, phân tích khá tốt - Thiết kế hệ thống giải pháp khá tốt	- Lập luận, phân tích ở mức cơ bản - Thiết kế hệ thống giải pháp ở mức cơ bản	- Lập luận, phân tích ở mức cơ bản - Thiết kế hệ thống giải pháp chủ yếu	15%
Triển khai hệ thống	- Xây dựng được quy trình triển khai - Triển khai hệ thống đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ - Có khả năng thẩm định và kiểm tra giải pháp đã thực hiện	- Xây dựng được quy trình triển khai - Triển khai hệ thống đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ	- Xây dựng được quy trình triển khai - Triển khai hệ thống đáp ứng khá tốt yêu cầu nhiệm vụ	- Xây dựng quy trình triển khai ở mức cơ bản - Triển khai hệ thống đáp ứng cơ bản yêu cầu nhiệm vụ	- Xây dựng quy trình triển khai ở mức cơ bản - Khả năng triển khai hệ thống thiết yếu	50%
Hình thức bản báo cáo thực tập	- Bố cục lô-gic, rõ ràng. - Trích dẫn chính xác	- Bố cục khá tốt. - Trích dẫn chính xác	- Bố cục tạm được - Trích dẫn chính xác	- Bố cục tạm được - Trích dẫn chưa chính xác	- Trình bày báo cáo thiếu logic	20%

Bảng A6. Rubric 6 - tiêu chí đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đánh giá**					**Trọng số**
	A **(8.5-10)**	**B** **(7.0-8.4)**	**C** **(5.5-6.9)**	**D** **(4.0-5.4)**	**F** **(0-3.9)**	
Nội dung	- Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung phù hợp và chính xác	- Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung có một số phần chưa chính xác	- Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác	- Chủ đề trình bày không trọng tâm - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác	- Chủ đề trình bày không trọng tâm, không liên quan - Nội dung có nhiều phần chưa chính xác	60%
Trình bày	- Slide được trình bày	- Slide trình bày rõ ràng	- Slide trình bày rõ ràng	- Slide trình bày phù hợp	- Slide không đảm	20%

	với bố cục rõ ràng, hợp lý - Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ dễ hiểu	- Trình bày các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý	- Trình bày hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide	- Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ không liên quan - Dùng một số thuật ngữ khó hiểu, đưa nhiều nội dung vào slide	bảo chất lượng theo yêu cầu	
Trả lời câu hỏi	- Biết phân tích và trả lời đầy đủ, ngắn gọn liên quan trực tiếp đến câu hỏi - Tự tin khi trả lời	- Trả lời ngắn gọn và phù hợp - Tự tin khi trả lời	- Câu trả lời tập trung vào câu hỏi - Hơi thiếu tự tin khi trả lời	- Câu trả lời không rõ ràng, ít liên quan đến câu hỏi - Thiếu tự tin khi trả lời	- Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi - Thiếu tự tin khi trả lời	20%

PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

Bảng B1. Đội ngũ giảng dạy cho CTĐT ngành GDTH

TT	Học phần	Số TC	Họ và tên/Học hàm, Học vị		Khoa/Viện
1	Cơ sở tự nhiên xã hội	4	Phan Anh Tuấn	Thạc sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
			Phan Quốc Lâm	Tiến sĩ	
			Thái Thị Đào	Thạc sĩ	
				Tiến sĩ	
2	Tiếng Anh 1	3	- Vũ Thị Hà	Tiến sĩ	Khoa Ngoại ngữ
			- Phạm Thị Liên	Thạc sĩ	
			- Lê Thị Tuyết Hạnh	Tiến sĩ	
3	Nhập môn ngành sư phạm	4	- Nguyễn Như an	PGS.Tiến sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
			- Bùi Văn Hùng	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Việt Phương	Thạc sĩ	
			- Chế Thị Hải Linh	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Thu Hằng	Tiến sĩ	
4	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	3	- Phạm Thị Bình	Tiến sĩ	Khoa Chính trị
			- Trần Viết Quang	PGS.Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thái Sơn	PGS. Tiến sĩ	
			- Lê Thị Nam An	Thạc sĩ	
5	Tâm lý học	4	- Dương Thị Thanh Thanh	Tiến sĩ	KhoaTâm lí - Giáo dục
			- Lê Thục Anh	Tiến sĩ	
			- Trần Thị Hằng Ly	Tiến sĩ	
			- Dương Thị Linh	Thạc sĩ	
			- Hồ Thị Hạnh	Thạc sĩ	
6	Kinh tế chính trị Mac - Lenin	2	- Phạm Thị Bình	Tiến sĩ	Khoa Chính trị
			- Trần Viết Quang	PGS.Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thái Sơn	PGS. Tiến sĩ	
			- Lê Thị Nam An	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Văn Sang	Thạc sĩ	
			- Đinh Thế Định	PGS. Tiến sĩ	
7	Tiếng Việt	5	- Chu Thị Thủy An	PGS. Tiến sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
			- Chu Thị Hà Thanh	Tiến sĩ	
8	Giáo dục học	4	- Nguyễn Thị Nhân	Tiến sĩ	Khoa Tâm lí - Giáo dục
			- Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Hường	PGS.Tiến sĩ	
			- Nguyễn Trung Kiên	Thạc sĩ	
9	Tiếng Anh 2	4	- Vũ Thị Hà	Tiến sĩ	Khoa Ngoại ngữ
			- Phạm Thị Liên	Thạc sĩ	
			- Lê Thị Tuyết Hạnh	Tiến sĩ	
			- Phạm Xuân Sơn	Thạc sĩ	
10	Tin học	3	- Hồ Thị Huyền Thương	Thạc sĩ	Khoa Tin học
			- Lê Thị Thu Hiền	Thạc sĩ	
			- Trần Văn Hào	Thạc sĩ	
			- Trần Văn Sang	Tiến sĩ	
11	Lịch sử Đảng CSVN	2	- Nguyễn Văn Trung	Tiến sĩ	Khoa Chính trị
			- Phan Quốc Huy	Thạc sĩ	
			- Trần Cao Nguyên	Tiến sĩ	
			- Trần Thị Hạnh	Thạc sĩ	
			- Phan Thị Nhuần	Thạc sĩ	
			- Dương Thị Mai Hoa	Thạc sĩ	
			- Ng.Thị Lệ Vinh	Thạc sĩ	
12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	- Bùi Thị Cần	Tiến sĩ	Khoa Chính trị
			- Phan Văn Tuấn	Tiến sĩ	
			- Hoàng Thị Nga	Thạc sĩ	

			- Nguyễn Thị Kim Chi	Thạc sĩ	
			- Lê Thị Thanh Hiếu	Thạc sĩ	
A	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quân sự)	(3)	- Trần Văn Thông	Thạc sĩ	Trung tâm Giáo dụcQuốc phòng - An ninh
			- Nguyễn Đình Lưu	Thạc sĩ	
			- Lê Duy Hiếu	Thạc sĩ	
			- Trần Văn Phú	BA.	
			- Bùi Đức Công	BA.	
			- Trần Văn Long	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Phong Quang	BA.	
			- Nguyễn Minh Quyết	Thạc sĩ	
B	Giáo dục quốc phòng 2 (Côngtác QPAN)	(2)	- Phạm Tiến Dũng	BA.	Trung tâm Giáo dụcQuốc phòng - An ninh
			- Nguyễn Hùng Cường	BA.	
			- Nguyễn Ngọc Dũng	BA.	
			- Nguyễn Thế Tiến	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Đình Phi	Thạc sĩ	
			- Đàn Quang Dũng	Thạc sĩ	
			- Lưu Văn Mạnh	BA.	
			- Đinh Thị Hải	BA.	
C	Giáo dục quốc phòng 3 (Côngtác QPAN)	(3)	- - Phạm Tiến Dũng	BA.	Trung tâm Giáo dụcQuốc phòng - An ninh
			- - Nguyễn Hùng Cường	BA.	
			- - Nguyễn Ngọc Dũng	BA.	
			- - Nguyễn Thế Tiến	Thạc sĩ	
			- - Nguyễn Đình Phi	Thạc sĩ	
			- - Đàn Quang Dũng	Thạc sĩ	
			- - Lưu Văn Mạnh	BA.	
			- - Đinh Thị Hải	BA.	
D	Giáo dục thể chất	(5)	- Nguyễn Mạnh Hùng	Tiến sĩ	Khoa Giáo dục thể chất
			- Trần Thị Ngọc Lan	Thạc sĩ	
			- Lê Đình Cường	Thạc sĩ	
			- Đinh Trí Lục	Tiến sĩ	
13	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	- Nguyễn Văn Trung	Tiến sĩ	Khoa Chính trị
			- Phan Quốc Huy	Thạc sĩ	
			- Trần Cao Nguyên	Tiến sĩ	
14	Tâm lí học tiểu học	3	- Dương Thị Thanh Thanh	Tiến sĩ	Khoa Tâm lí-Giáo dục
			- Lê Thục Anh	Tiến sĩ	
			- Trần Thị Hằng Ly	Tiến sĩ	
			- Dương Thị Linh	Thạc sĩ	
			- Hồ Thị Hạnh	Thạc sĩ	
15	Toán học 1	3	- Nguyễn Thị Châu Giang	Tiến sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
			- Nguyễn Tiến Dũng	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Phương Nhung B	Tiến sĩ	
16	**Tự chọn 1**	2	- Chu Thị Thủy An	PGS. Tiến sĩ	Khoa Giáo dục TH, Tâm lí GD, GD mầm non
			- Chu Thị Hà Thanh	Tiến sĩ	
17	Quản lí cơ sở giáo dục	4	- Dương Thị Thanh Thanh	Tiến sĩ	Khoa Tâm lí - Giáo dục
			- Trần Thị Hằng Ly	Tiến sĩ	
			- Dương Thị Linh	Thạc sĩ	
			- Hồ Thị Hạnh	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Nhân	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Trung Kiên	Thạc sĩ	
18	Văn học thiếu nhi	3	- Chu Thị Hà Thanh	Tiến sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
			- Chu Thị Thủy An	PGS. Tiến sĩ	
19	Giáo dục học tiểu học	3	- Nguyễn Thị Nhân	Tiến sĩ	Khoa Tâm lí - Giáo dục
			- Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Hường	PGS.Tiến sĩ	
			- Nguyễn Trung Kiên	Thạc sĩ	
20	**Tự chọn 2**		- Nguyễn Thị Châu Giang	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Tiến Dũng	Tiến sĩ	

		2	- Nguyễn Thị Phương Nhung B - Nguyễn Thị Phương Nhung A	Tiến sĩ Tiến sĩ	Khoa Giáo dục TH, Tâm lí GD, GD mầm non
21	Toán học 2	4	- Nguyễn Thị Châu Giang - Nguyễn Tiến Dũng - Nguyễn Thị Phương Nhung B	Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
22	Giáo dục sức khỏe	4	- Lê Công Phượng - Nguyễn Thị Kỳ	Bác sĩ Thạc sĩ	Khoa Giáo dục mầm non
23	Đánh giá trong giáo dục	4	- Nguyễn Thị Nhân - Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Nguyễn Thị Hường - Nguyễn Trung Kiên	Tiến sĩ Tiến sĩ PGS.Tiến sĩ Thạc sĩ	Khoa Tâm lí - Giáo dục
24	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức	3	- Nguyễn Thị Phương Nhung A - Nguyễn Thị Hường	Tiến sĩ PGS.Tiến sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
25	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	5	- Chu Thị Hà Thanh - Chu Thị Thủy An	Tiến sĩ PGS. Tiến sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
26	Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc	4	- Võ Trọng Vinh - Phan Huy Hà	Thạc sĩ Thạc sĩ	Khoa Giáo dục mầm non
27	Phương pháp dạy học Toán (DA)	5	- Nguyễn Thị Châu Giang - Nguyễn Tiến Dũng - Nguyễn Thị Phương Nhung B	Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
28	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội (DA)	5	- Nguyễn Thị Phương Nhung A - Nguyễn Thị Hường	Tiến sĩ PGS.Tiến sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
29	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	- Chu Thị Thủy An - Chu Thị Hà Thanh - Nguyễn Thị Châu Giang - Nguyễn Tiến Dũng - Nguyễn Thị Phương Nhung A - Nguyễn Thị Phương Nhung B - Phan Anh Tuấn	PGS. Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ Thạc sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
30	**Tự chọn 3**	2	- Nguyễn Thị Châu Giang - Nguyễn Tiến Dũng - Nguyễn Thị Phương Nhung B - Nguyễn Thị Phương Nhung A - Chu Thị Thủy An - Chu Thị Hà Thanh	Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ PGS. Tiến sĩ Tiến sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
31	Tổ chức hoạt động trải nghiệm	3	Nguyễn Thị Phương Nhung Nguyễn Thị Hường Nguyễn Trung Kiên	Tiến sĩ PGS.Tiến sĩ Thạc sỹ	Khoa Giáo dục tiểu học
32	Phương pháp dạy học Thể dục	2	- Đậu Thị Bình Hương - Đinh Trí Lục - Võ Văn Đăng	Thạc sĩ Tiến sĩ Thạc sĩ	Khoa Giáo dục thể chất
33	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ	3	- Thái Mạnh Thủy - Phan Anh Tuấn	Thạc sĩ Thạc sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
34	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật	4	- Thái Mạnh Thủy - Nguyễn Thị Thanh Giang	Thạc sĩ Thạc sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
35	Phát triển chương trình Giáo dục tiểu học	2	- Chu Thị Hà Thanh - Nguyễn Tiến Dũng - Chu Thị Thủy An	Tiến sĩ Tiến sĩ PGS.Tiến sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
	Tự chọn 4	2	- Chu Thị Thủy An - Chu Thị Hà Thanh - Nguyễn Thị Châu Giang	PGS. Tiến sĩ Tiến sĩ Tiến sĩ	Khoa Giáo

36			- Nguyễn Tiến Dũng	Tiến sĩ	dục tiểu học
			- Nguyễn Thị Phương Nhung A	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Phương Nhung B	Tiến sĩ	
			- Thái Mạnh Thủy	Thạc sĩ	
			- Võ Trọng Vinh	Thạc sĩ	
37	Thực tập sư phạm - Đồ án TN (DA)	(6)	- Chu Thị Hà Thanh	Tiến sĩ	Khoa Giáo dục tiểu học
			- Chu Thị Thủy An	PGS. Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Châu Giang	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Tiến Dũng	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Phương Nhung A	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Phương Nhung B	Tiến sĩ	
			- Chu Thị Thủy An	PGS. Tiến sĩ	
			- Chu Thị Hà Thanh	Tiến sĩ	

Bảng B2. Đội ngũ giảng dạy Khoa Giáo dục tiểu học

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh KH	Học vị, năm, nước tốt nghiệp
1	Chu Thị Hà Thanh	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2003 Việt Nam
2	Chu Thị Thủy An	Phó giáo sư	Tiến sĩ, 2002 Việt Nam
3	Nguyễn Thị Châu Giang	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2009 Việt Nam
4	Nguyễn Tiến Dũng	Giảng viên	Tiến sĩ, 2015 CHLB Đức
5	Nguyễn Thị Phương Nhung A	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam
6	Nguyễn Thị Phương Nhung B	Giảng viên	Tiến sĩ, 2021 Việt Nam
7	Phan Anh Tuấn	Giảng viên	Thạc sĩ, 2015 Việt Nam
8	Nguyễn Thị Thanh Giang	Giáo viên	Thạc sĩ, 2016 Việt Nam
9	Thái Mạnh Thủy	Giáo viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam
10	Thái Thị Đào	Giảng viên	Thạc sĩ 2010 Việt Nam

PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Trường Đại học Vinh đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm với nhiều thiết bị thí nghiệm hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành, v.v… mà Khoa Giáo dục tiểu học đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Trường ĐH Vinh có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa Giáo dục tiểu học

Hiện tại, Nhà trường có 68 phòng làm việc với diện tích 15.864$m^{2,}$ cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các CB, GV và nhân viên cơ hữu. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, GV cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của tổ bộ môn.

Trường Đại học Vinh có đủ số phòng học, giảng đường lớn, đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Hiện tại, SV khoa Giáo dục được bố trí học trong số 15 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 1414 m^2 của Nhà trường. Từ năm 2018, tất cả các phòng học lớn đều có máy điều hòa nhiệt độ. Các phòng học tin học có hệ thống máy vi tính hiện đại kết nối mạng. Các phòng học ngoại ngữ có máy tính nối mạng, có phần mềm phù hợp; trang thiết bị chuyên dụng và hiện đại.

Trường Đại học Vinh có Trường THSP đa cấp học, trong đó, có Trường Tiểu học với khuôn viên trường, hệ thống lớp học, hệ thống phòng chức năng, trang thiết bị giảng dạy và học tập đạt tiêu chuẩn quốc gia và đội ngũ giáo viên 100% có trình độ đại học trở lên. Đó là điều kiện thuận lợi để Khoa Giáo dục, đặc biệt là ngành GDTH triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Ngoài việc thực hành ở Trường THSP, SV ngành GDTH còn được rèn luyện các kĩ năng sư phạm cơ bản trong hệ thống 19 phòng học 2 gian ở khu nhà B của trường. Hệ thống phòng học 2 gian này có đầy đủ máy chiếu và hệ thống âm thanh, ánh sáng thuận tiện cho việc tập giảng, làm việc nhóm, xê mi na của SV.

Phục vụ cho việc rèn luyện các kĩ năng nghệ thuật cho SV, khoa Giáo dục còn được bố trí 04 phòng ở nhà A6 (trước đây ở nhà D3), đó là các phòng thực hành đàn, thực hành mỹ thuật, phòng múa. Mặt khác, nhà trường còn bố trí cho Khoa 01 phòng kho đựng dụng cụ thực hành ở tầng 4 nhà A2.

Ngoài ra, để tạo "bối cảnh nghề nghiệp thực" cho SV ngành GDTH trong rèn luyện kĩ năng sư phạm, Khoa Giáo dục còn "sử dụng" 15 trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An làm "trường vệ tinh" (Từ năm học 2019 -2020, sử dụng thêm 4 trường thuộc địa bàn thị xã Cửa Lò). Các trường vệ tinh mà Khoa phối đều có

diện tích và hệ thống phòng học, phòng chức năng đạt chuẩn. Các học phần "Rèn luyện NVSP thường xuyên", "Thực tập sư phạm" trong CTĐT ngành GDTH đều được triển khai ở hệ thống trường thực hành này.

Về văn phòng, hiện tại Khoa Giáo dục có 03 phòng làm việc ở tầng 3 Nhà A0, 01 phòng chung và 02 phòng của BCN khoa.

Thư viện của Trường đại học Vinh có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả

Được thành lập năm 1959, hiện nay, Thư viện Trường có tên là "Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào" (gọi tắt là Trung tâm TTTV). Trung tâm TTTV được sử dụng một tòa nhà 7 tầng có diện tích sử dụng gần 29.000m^2 bao gồm: 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 09 kho sách, 06 phòng đọc với 2000 chỗ ngồi [H9.09.02.01]. Trung tâm TTTV được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ mới: hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Các đầu sách của Trung tâm TTTV đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của khoa Giáo dục tiểu học. Số lượng sách, tài liệu tham khảo dùng cho ngành GDTH lên tới 1750 đầu sách.

Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

Nhà trường có Trung tâm CNTT có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng CNTT của Nhà trường. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng CNTT và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng v.v. đều do Trung tâm CNTT đảm nhiệm.

Trường Đại học Vinh được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hiện nay, Trường có 1046 bộ máy vi tính để bàn, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho giảng dạy, học tập là 716 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lý và điều hành là 330 bộ, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet, đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. CB, GV toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng … @vinhuni.edu.vn. Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường.

PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CĐR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN

Bảng D1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	1.1			1.2			1.3				2.1					2.2		3.1		3.2		4.1		4.2				
			1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.3.3	1.3.4	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4	4.2.5
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm					K2						S2						A2		S2		S2		C2	C2	C2	C2	C2	C2	
2	PRI31001	Cơ sở tự nhiên xã hội						K4			K4		S3		S3																
3	EDU21003	Tâm lý học				K3		K3								S2	S2	A2					S2								
4	PRI31002	Toán học 1						K4	K4				S3		S3																
5	POL11001	Triết học Mác - Lênin	K2										S3					A3													
6	EDU20006	Giáo dục học				K3										S3	S3							C3							
7	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		K2									S3					A3													
8	EDU20026	Tâm lý học giáo dục tiểu học		K3							K3													C2		C2					
9	ENG10001	Tiếng Anh 1						K3							S2								S2								
10	EDU20009	Văn học thiếu nhi						K4			K3									S3											
11	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K2										S3					A3													
12	EDU30014	Giáo dục học tiểu học				K3												A3						C3	C3	C2					
13	ENG10002	Tiếng Anh 2						K3							S2								S2								

14	EDU31038	Tiếng Việt						K4			K3									S3											
15		**Tự chọn 1**						K4			K3									S3											
16	EDU31033	Giáo dục sức khỏe						K3									S3									C3					
17	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		K2									S3					A3													
18	EDU30093	Toán học 2						K4	K4				S3			S3															
19		**Tự chọn 2**						K4	K4				S3			S3															
20	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục						K3								S3						S3						C3			
21	EDU31024	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm				K4	K3	K3						S3							S3							C3			
22	EDU30032	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức					K3											A3						C3					C3		
23	EDU30038	Phương pháp dạy học Tiếng Việt					K4			K4							A3												C3		
24	EDU30048	Phương pháp dạy học Toán						K4	K4						A3												C3				
25	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh		K2									S3					A3													
26	EDU30046	Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc										S3								S3						C3					
27	EDU30098	Phương pháp dạy học Thể dục									K3					A3				S3				C3							
28	EDU30049	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội						K4			K4		S3																C3		

29	EDU20010	Đánh giá trong giáo dục				K4	K4							S3	A3	A3								C4						
30		**Tự chọn 3**					K4	K4	K4						A3											C3				
31	EDU30066	Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật										S3								A3			S3					C3		
32	EDU31068	Phát triển chương trình giáo dục					K4						S3	S4			A3													C4
33	EDU30099	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ										S3			A3													C3		
34	EDU31052	Quản lý cơ sở giáo dục																				S3		C3	C3					
35	EDU32045	Tổ chức hoạt động trải nghiệm															A3				S3			C3	C3					
36		**Tự chọn 4**					K4									A3										C4		C4		
37	EDU31088	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp											S4							A3		S3		S3		C4	C4	C4	C4	C4	C4

-

Kiến thức (**K**): **K2**: Biết/Nhớ; **K3**: Hiểu; **K4**: Áp dụng/Phân tích; **K5**: Đánh giá/Tổng hợp/Sáng tạo (*Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001*)**;**

- **Thái độ** (**A**): **A2**: Tiếp nhận; **A3**: Hồi đáp/Phản ứng; **A4**: Chấp nhận giá trị; **A5**: Tổ chức/Ứng xử (*Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973*);

- **Kỹ năng** (**S**): **S1**: Nhận thức/Bắt chước; **S2**: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; **S3**: Thuần thục/Chính xác: **S4**: Thành thạo kỹ năng phức tạp/Hoàn thiện thứ tự hoạt động: **S5**: Sáng chế/Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới (*Ref: Simpson, 1972; Dave, 1975*).

- **Năng lực (C): C3:** Vận dụng**; C4:** Phân tích**; C4:** Đánh giá**.**